

CHƯƠNG BA

NHỮNG CƠ SỞ CẦN THIẾT (Tiếp theo)

II. TIÊU CHŨNG VIỆN THÁNH PHAOLÔ TẠI PHÚC NHẠC

1. Việc thành lập

Theo một số tài liệu của Hội Truyền giáo Ba lê (M.E.P.), Phúc Nhạc đã có một chủng viện trước năm 1867, vì niên lịch của hội có nói đến tên tuổi Linh mục Pierre Eyot, giám đốc Chủng viện Phúc Nhạc, tỉnh Ninh Bình; và còn nói thêm chủng viện đông tới 150 học sinh vào năm 1819; trong số đó có 25 sinh viên theo ban Thần học, cũng vào năm 1819. Năm 1826, ngài gửi một bản tường trình về tình hình chủng viện sang Thánh Bộ Truyền giáo La-mã. Cha Pierre Eyot qua đời năm 1827, thi hài của cha nằm tại Phúc Nhạc, sau khi đã sống tại Việt Nam 40 năm, thọ 65 tuổi.

Sự kiện Linh mục Pierre Eyot qua đời tại Phúc Nhạc được minh chứng trong một bức thư của Giám mục Jacques Longer (Gia) gửi Linh mục Langlois, Tổng quyền Hội Truyền giáo Ba lê. Và theo nhiều văn thư do Linh mục Eyot gửi (có trong Niên lịch Thánh Bộ Truyền giáo) thì quả thực ngài đã giữ chức vụ giám đốc ở một chủng viện lâu năm.

Tuy nhiên, căn cứ vào các văn kiện chính thức của Giám mục Longer và các tài liệu xác đáng hơn, thì chủng viện của Giáo phận Tây Bắc Việt (Hà Nội, Tonkin Occidental) hồi đó không đặt ở Phúc Nhạc, nhưng là ở làng Vĩnh Trị, tỉnh Nam Định, giáp giới với tỉnh Ninh Bình.

Một việc không thể nghi ngờ là, cũng hồi đó, Chủng viện Vĩnh Trị có thành lập một cơ sở phụ thuộc tại họ Đông Biên, thuộc xã Phúc Nhạc, nhưng cách đó 6 cây số về phía Đông. Sở dĩ có cơ sở phụ thuộc này là để làm nơi trú ẩn cho Chủng viện Vĩnh Trị, cũng như cho Giáo phận Hà Nội trong những cơn bách hại tôn giáo thời đó, vì vị trí đặc biệt hẻo lánh của nó. Bằng chứng là chính tại Đông Biên mà về sau ba vị tử đạo đã bị bắt, ngày 28-8-1837, đó là Thánh Linh mục Phạm Khắc Khoan, chính xứ Phúc Nhạc và hai thầy giảng là Thánh Nguyễn Văn Hiếu và Thánh Đinh Văn Thanh.

Năm 1923, khi lập xứ Nam Biên, người ta còn nhận ra nền nhà thờ cũ hồi xưa, nhận ra cả hai ngôi mộ học sinh chủng viện còn chôn ở đó.

Nhưng vẫn còn điều thắc mắc là, nếu trước năm 1867, chưa hề có chủng viện hay một cơ sở huấn luyện tu sĩ nào ở Phúc Nhạc, tại sao thời đó Niên lịch Hội Truyền giáo Ba lê lại nói tới Linh mục Eyot, Giám đốc Chủng viện Phúc Nhạc? Có hai giả thuyết. Thứ nhất là để đánh lạc dư luận: gọi là Chủng viện Phúc Nhạc, có ý đề phòng trường hợp Chủng viện Vĩnh Trị, vì lý do an ninh trong thời bách hại Công giáo, có thể rời xuống đó để lánh nạn, thì không ai biết chỗ mà để ý. Thứ hai là vì Đông Biên thuộc xã Phúc Nhạc, thì lấy tên họ chính xứ để gọi thay vì tên họ lẻ. Còn việc Linh mục Eyot qua đời ở Phúc Nhạc, sự kiện đó có thể giải thích là, ngoài chức vụ giám đốc chủng viện, có thể ngài đi làm việc mục vụ trong các địa điểm chung quanh, và khi đau nặng, đã không kịp trở về trụ sở Vĩnh Trị. (18)

Từ tháng 3 năm 1867, Giám mục Theurel (Đức cha Chiêu) trong cuộc đi kinh lý Ninh Bình - Thanh Hoá năm đó với Linh mục Puginier (về sau làm giám mục, tức Đức cha Phước), đã có ý định quan sát tình hình, để lập một giáo phận mới, và mới bận tâm lúc đó là phải mở thêm một chủng viện nữa. Lý do là vì tiểu chủng viện duy nhất hồi đó (Chủng viện Thánh Phê-rô) đặt ở xứ Kẻ Vĩnh (xã Vĩnh Trị, tỉnh Nam Định), về sau vì những cuộc bách hại đẫm máu, đã di chuyển về Hoàng Nguyên, tỉnh Hà Đông, thành ra quá xa đối với những tỉnh miền Nam giáo phận, như Ninh Bình - Thanh Hoá. Hồi đó Linh mục Lesserteur, vị truyền giáo trẻ tuổi đã ở Phúc Nhạc được hai năm (chính ngài đã dựng cho xứ Phúc Nhạc hai tượng Thánh Giá bằng đá ở ngã tư Thôn Phạm, và ở vệ đường Thôn Đỗ - Thôn Đồng), có đề nghị với Đức cha Chiêu nên đặt Chủng viện tại Phúc Nhạc. Do đó, trong ba tháng 8, 9, 10 cùng năm, Linh mục Puginier, vị giám đốc đầu tiên, được lệnh làm 3 dãy nhà lá, lấy chỗ dung nạp các chú nhỏ, nhà in chữ Nho và một số 74 học sinh. 74 học sinh gồm một số đem từ Kẻ Trù về, một số mới nhận, chia thành 4 lớp, và đã khai giảng niên khoá đầu tiên ngày Lễ Các Thánh 01-11-1867, dưới quyền điều khiển của vị giám đốc và một số thầy giảng. Theo chỉ thị của Đức cha Theurel sáng lập, cơ sở đào luyện giáo sĩ này lấy tên là **Chủng viện Thánh Phao-lô** vì cũng như **Chủng viện Thánh Phê-rô** (Hoàng Nguyên) là hai nền móng căn bản cho hai địa phận, phải được đặt dưới sự bảo trợ trực tiếp của hai thánh tông đồ, nền tảng của Giáo hội. Lễ Sinh Nhật năm 1867, Linh mục Puginier được thăng chức giám mục. Cuối năm 1868, sau khi Giám mục Theurel tạ thế, ngài lên quyền cai quản Giáo phận Hà Nội và đặt Linh mục Gelot (Châu) kế vị giám đốc Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc còn Linh mục Lesserteur được bổ nhiệm làm giám đốc Chủng viện Hoàng Nguyên.

Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc khai nguyên từ đó. Nằm ở giữa làng Phúc Nhạc, bên góc đường quan lộ Ninh Bình - Phát Diệm và con đê Hồng Đức, trên một mảnh đất rộng 6 mẫu ta, chia thành nhiều khu vực khác nhau: vườn cây ăn trái, sở chăn nuôi, phòng bệnh nhân, kho dự trữ, nhà bếp và chủng viện. Chủng viện trải qua tất cả ba đợt xây cất. Mới đầu là lớp nhà bằng gỗ, lợp tranh, vách đất, quét vôi, mỗi gian làm 4 giường cho học sinh ở. Không bao lâu, bị mối mọt, thành ra lại một lần được tu bổ bằng gỗ tốt hơn, cao ráo sạch sẽ, do công lao vị giám đốc hồi đó, Linh mục Ravier (Cố Khánh), tác giả bộ *Sử Hội Thánh* và cuốn *Tự điển La - Việt* đầu tiên (19). Cha Ravier cũng là vị đã thừa lệnh Đức cha Puginier xây cất nhà thờ Chủng viện Phúc Nhạc (năm 1892) trong 7 tháng 14 ngày và hoàn tất vào ngày Lễ Chúa Thăng Thiên năm 1893. Nhà thờ này nổi tiếng một thời vì ba quả "chuông nhạc" (carillon), mỗi ngày ba lần hát tên Đức Mẹ: Ô Maria! Đợt xây cất thứ ba: bỏ hết những cơ sở đợt hai, và thu gom trong một toà nhà ba tầng rộng lớn, kang trang, dài cả 100 thước, khởi công năm 1927 đời Linh mục Schlotterbek (Cố Tuấn) làm giám đốc lần thứ hai. Suốt hơn hai năm trời xây cất, tốn phí 130.000 đồng Đông Dương thời đó. Địa phận chỉ đóng góp 4.000 đồng, số còn lại là của Hội Thánh Phê-rô, từ Roma, viện trợ. Ngôi nhà đã hoàn thành ngày 23-12-1929, và đã khánh thành vào tháng Giêng năm 1930 một cách hết sức long trọng, dưới thời Linh mục Reminiac (Cố Nhạc), vị giám đốc người Pháp cuối cùng.

Khi mới lập chủng viện (1867), chỉ có mấy chục học sinh, các lớp chưa có phân biệt rõ rệt, nhất là còn thiếu các giáo sư người Việt. Do đó, mấy linh mục giáo sư người Pháp thuộc Hội Thừa Sai Ba Lê đã chịu trách nhiệm luôn trong 3-4 năm đầu và dần dần với thời gian mới phân lớp. Sau cùng, quyết định là chia 6 lớp dưới quyền cha giám đốc: 2 lớp đầu có 2 cha giáo, một cha nhận dạy lớp nhất, một cha nhận dạy lớp hai, còn từ lớp 3 trở xuống phân chia cho các thầy mới mãn trường dạy với tư cách là các giáo viên. Một thầy làm giám thị dưới quyền cha giám đốc, để cất đặt các việc

chung cho cả 6 lớp; một thầy coi nhà kẻ liệt cùng với một thầy lang dùng thuốc Bắc để điều trị bệnh nhân. Thầy phụ trách bệnh nhân đồng thời kiêm cả phụ trách về âm nhạc phụng tự.

Về chương trình học: bốn lớp dưới học văn phạm La ngữ, trước còn in bên trái, quảng diễn với nhiều thí dụ dài dòng, mãi tới thời cố Khánh (cha Ravier) mới được sửa chữa, rút ngắn lại. Ngoài ra, các lớp dưới còn học thêm các môn sử, địa, toán, Pháp văn, giáo lý. Hai lớp trên học sách Epitome và Cựu Ước, Tông Đồ Công Vụ, các Thư Thánh Phaolô; về sau, chương trình được thêm hai môn văn chương và tu từ học (khoa hùng biện). Hai lớp trên học chung với nhau trong một ngày, bốn lớp dưới học chung với nhau trong một ngày khác.

Trong nhật ký của Chung viện Phúc Nhạc còn ghi chép:

- Từ ngày thành lập (1867) cho tới giữa năm 1937, tức là trong 70 năm, có tất cả 12 vị giám đốc ngoại quốc; trong số đó, có hai Giám mục Puginier (Phước) và De Cooman (Hành). Có 25 linh mục Pháp làm giáo sư;

- Từ năm 1922, các linh mục và tu sĩ Việt Nam đảm nhiệm tất cả các ngành giáo dục trong chủng viện; trong số đó, có Giám mục Phan Đình Phùng, Giám mục Việt Nam thứ hai cai quản Giáo phận Phát Diệm;

- Từ ngày 07-07-1937, quyền giám đốc chủng viện được trao lại cho Linh mục Luca Mai Học Lý, cựu sinh viên Chủng viện Penang. Cha Mai Học Lý là vị giám đốc Việt Nam đầu tiên (1937-1951).

Nói tới Chủng viện Phúc Nhạc, chúng ta không thể quên vai trò và thân thế cố Nhị (Le P. Deux), vị linh mục thuộc Hội Thừa Sai Ba Lê. Ngài rất khiêm tốn và đạo đức. Từ 1868, cố Nhị được bổ nhiệm về làm giáo sư. Và sau đó, ngài không hề rời khỏi chủng viện. Ngài không xin về nghỉ hè bên Pháp, hay Hong Kong, theo hạn kỳ cho phép. Ngài ở đó, như ngọn đèn sáng, chiếu giọi sự kiên trì cầu nguyện trong thanh vắng. Người ta kể lại, mỗi ngày cố Nhị xin Chúa cho hai con mắt sáng cho tới chết, để mỗi khi gặp khó khăn, hay nản lòng, còn có thể đọc sách... Cố coi sách vở như bạn bè để tiêu khiển. Thật vậy, cố Nhị quan niệm sách vở là bạn trăm năm trung thành. Chúng tôi còn nhớ, trong những ngày tháng sau cùng đời Ngài trong năm 1934, ngày nào cũng độ 4-5 giờ chiều, cố Nhị ra khỏi phòng, hai tay chấp lại sau lưng, đầu đội mũ lễ đen, một mình thong thả xuống cầu thang để đi viếng Minh Thánh Chúa trong nhà thờ chủng viện; sau đó, cha đi bách bộ để thay đổi không khí chừng 20 phút, trước khi về lại phòng riêng. Cố Nhị thọ 91 tuổi, ở Việt Nam hơn 60 năm. (20)

Trong thời Thế Chiến Thứ Hai (1939-1945), Chủng viện Phúc Nhạc bị chính quyền bảo hộ mượn để di chuyển trường Trung học Chu Văn An (Trường Bưởi) từ Hà Nội về đó, ngày 23-01-1944. Vì thế, mấy lớp dưới của chủng viện phải di tản xuống Phát Diệm, ngụ tại Nhà hát lớn; sau dọn sang Trì Chính ở trong khu nhà mới xây cất để làm Trường Thủ. Hai lớp trên, Đệ I và Đệ II, ở lại Phúc Nhạc. Sau hai năm, chính phủ trả nhà, tất cả Chủng viện lại tập trung trở về Phúc Nhạc như trước.

Sau ngày 16-10-1949 (ngày quân đội Liên Hiệp Pháp nhảy dù xuống Phát Diệm), Phúc Nhạc lại bị trưng dụng một nửa nhà, để cho quân đội chiếm đóng. Vì không đủ điều kiện cần thiết cho việc tu luyện và học hành, nên sau Hè 1952, Chủng viện lại di chuyển ba lớp trên (từ Đệ IV đến Đệ II) xuống đại chủng viện ở làng Thượng Kiệm (cách Phúc Nhạc 9 cây số), vì các đại chủng sinh đã

được gửi đi học ở Đại Chung viện Xuân Bích tại Hà Nội. Linh mục D. Bourguignon, thuộc Hội SAM (Société des Auxiliaires des Missions, Louvain, nước Bỉ), vẫn là giáo sư sinh ngữ, về làm phó Giám đốc ở đây. Các lớp Đệ V, VI và VII còn lại trên Phúc Nhạc do Linh mục Nguyễn Duy Phượng điều khiển, vì ngài vẫn là giám đốc chung cho cả hai nơi.

Năm 1954, Hiệp định Genève chia đôi lãnh thổ Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm đó, chủng viện bỏ Phát Diệm ra đi, tới Hải Phòng, rồi đáp tàu di cư vào Nam ngày 14-07-1954, trước ngày ký Hiệp định Genève (20-07-1954). Trong khi chờ đợi xây cất nhà ở Phú Nhuận (Gia Định), chủng viện gồm 6 lớp và ban giáo sư, đã được các sư huynh La San cho tạm trú ở trường Mossard, tại Thủ Đức (14 cây số ngoài Thủ đô Saigon). Cuối năm 1954, rời về Phú Nhuận, chủng viện bắt đầu sống lại đời sống tu luyện và học tập nơi xa quê hương đất tổ miền Bắc. Năm 1965, Thánh Bộ Truyền giáo La Mã yêu cầu giải tán các chủng viện Bắc Việt di cư, để sáp nhập vào các chủng viện địa phương của Giáo hội miền Nam. Chủng viện Phát Diệm được chọn làm nơi tập trung hầu hết những chủng sinh từ các giáo phận bạn: Thanh Hoá, Vinh, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Bình, để chuẩn bị giai đoạn chuyển tiếp. Niên khoá 1966-1967 là niên khoá sau cùng của Chủng viện Thánh Phaolô Phú Nhuận (Phúc Nhạc).

Thiên Định đã khiến cho biến cố “địa phương hoá” các chủng viện di cư trên đây đưa Chủng viện Thánh Phaolô Phú Nhuận - Phú Nhuận đứng trước một sự kiện bất ngờ, nhưng cũng rất an ủi: Chủng viện Thánh Phaolô-lô cho tới năm đó được gần 100 tuổi (01-11-1867 đến 01-11-1967). Linh mục Giuse Nguyễn Duy Phượng là vị giám đốc thứ hai người Việt Nam, và đồng thời, theo lịch sử, cũng là vị giám đốc thứ 14 của chủng viện, tính từ ngày được sáng lập. Từ nơi đây đã xuất thân gần 500 linh mục, nguyên quán từ Giáo phận Phát Diệm, nghĩa là trung bình mỗi năm đào tạo được 5 linh mục cho giáo phận. (21)

Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc cũng là nơi xuất thân của một số học sinh ưu tú đã được Đức Giám mục Giáo phận gửi đi du học ở ngoại quốc.

Đoạn lịch sử này phải trở về mãi năm 1914. Năm đó, Đức Giám mục Alexandre Marcou (Thành), trong chuyến viễn du về Âu châu, khi ghé Roma, Ngài được Toà Thánh hỏi về khả năng, học lực của người Việt Nam: Bên Việt Nam có đủ môi trường giáo dục chưa? Đã 300 năm truyền đạo, mà chưa có giám mục bản quốc! Nếu thiếu trường dạy học, Toà Thánh sẽ cho học bổng, nhưng phải tuyển đại chủng sinh gửi sang Roma du học.

Trở lại Việt Nam, Đức cha Thành đã đem vấn đề ra bàn với các vị giáo quyền địa phương. Các giám mục Dòng Đa Minh từ chối, nhưng các giám mục thuộc Hội Thừa Sai Ba Lê thì chấp thuận. Đức cha Gendreau Đông (Hà Nội) chọn thầy Phạm Bá Trực, Đức cha Allys Lý (Huế) chọn thầy Ngô Đình Thục, Đức cha Marcou Thành (Phát Diệm) chọn thầy Luca Đình Ngọc San. Và nếu chúng tôi không lầm, trong Nam, Đức cha Sài Gòn cũng gửi một thầy và Đức cha Quy Nhơn gửi một thầy. Đây là lớp đầu tiên, các giám mục thuộc Hội Thừa Sai Ba Lê gửi các chủng sinh Việt Nam "đem chuông đi đánh xứ người".

2. Sổ vàng của Tiểu Chủng viện Thánh Phaolô Phúc Nhạc

Từ đời Đức cha Alexandre Marcou (Thành), rồi tiếp theo mấy đời các giám mục Phát Diệm đã gửi một số chủng sinh ưu tú, sau khi mãn Trung học Chủng viện Phúc Nhạc, ra ngoại quốc du học (Ý,

Pháp, Hoa Kỳ, Canada, v.v...) để về sau có đủ nhân lực tiếp tay trong các ngành mục vụ của Giáo phận:

1/ **Du học Penang** (Mã Lai, trường đào tạo chủng sinh cho vùng Viễn Đông, nơi có các thừa sai thuộc Hội Thừa Sai Ba Lê hoạt động)

Cha Mai Học Lý
Đức Cha Phan Đình Phùng
Cha Ngô Công Hiến
Cha Nguyễn Hữu Cúc

2/ **Du học Roma (Ý)**

Cha Luca Đình Ngọc San
Đức Giám mục Phêrô Phạm Ngọc Chi
Cha Tôma Phạm Tiến Lãng
Cha Antôn Phạm Quang Hàm
Cha Phêrô Vũ Kim Điện
Cha Luca Trần Văn Huy
Cha Benado Đặng Xuân Tùng
Cha Gioan Nguyễn Văn Đại
Cha Mattheo Phạm Hào Kỳ (bị bệnh phải về nước; sau này, từ Miền Nam du học Phi Luật Tân)
Cha Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ
Cha Gioan Trần Đức Tuất
Cha Augustino Đông Anh (4 chức ở Phát Diệm, Đức Cha Phạm Ngọc Chi gửi đi du học Roma)
Cha Roco Trần Phúc Long
Cha Louis Trần Phúc Vy
Cha Phanxico X. Trần Hoàng
Cha Alberto Trần Phúc Nhân
Cha Phaolo Vũ Sửu
Cha Phạm Văn Dần (Roma và Pháp)
Cha Trần Ngọc Bích (Roma và Pháp)
Cha Đa Minh Vũ Văn Thiện (nhập Ban Mê Thuật, rồi đi Roma)
Cha Phanxico Trần Văn Khả (nhập Sài Gòn, rồi du học Roma)
Cha Mai Văn Thiện (em cha Mai Văn Diệu, có học bên Anh)
Cha Phêrô Vũ Văn Tụ Chương
Cha Gioakim Đình Thục
Cha Anton Phan Lâm
Cha Gioan Trần Mạnh Duyệt (Sài Gòn gửi đi học Roma)
Cha Gioan Trần Công Nghị (Xuân Lộc gửi đi học Roma)
Cha Giuse Phạm Văn Tuệ (Mỹ Tho gửi đi học Roma)
Cha Anre Trần Cao Tường (Long Xuyên gửi đi học Roma)

3/ **Du học Pháp**

Đức Giám mục Phêrô Phạm Ngọc Chi

Cha Tôma Phạm Tiến Lãng

Thầy Trần Văn Đương (vì đậu Tú Tài Tây đầu tiên ở tỉnh Ninh Bình nên thường được gọi là ông Tú Đương, sau khi chịu bốn chức thì bị bệnh, về chết ở quê nhà Tân Khẩn)

Thầy Nguyễn Văn Nguyễn

Cha Phaolô Nguyễn Gia Đệ (Bỉ và Anh)

Cha Benado Đặng Xuân Tùng

Cha Gioan Nguyễn Văn Đại

Cha Toma Phạm Văn Dần

Cha Rôcô Trần Phúc Long (học tiểu chủng viện bên Pháp)

Cha Louis Trần Phúc Vỹ (học tiểu chủng viện bên Pháp)

Cha Alberto Trần Phúc Nhân (Phát Diệm gửi đi Pháp, rồi Roma, Jerusalem, giáo sư Kinh Thánh)

Cha Phêrô Nguyễn Văn Long (linh mục rồi mới đi)

Cha Giuse Dương Như Hoan (linh mục Sài Gòn, sau nhập Xuân Bích)

Cha Giuse Nguyễn Át (linh mục Sài Gòn rồi mới đi)

Cha Bùi Thượng Lưu (nhập Đà Lạt, đi Pháp, rồi Đức)

4/ Du học Hoa Kỳ

Cha Anton Trần Văn Kiệm (linh mục Phát Diệm rồi mới đi)

Cha Phanxico Trần Ngọc Phan (linh mục rồi mới đi)

Cha Giuse Nguyễn Hiếu Học

Cha Gioan B. Phạm Minh Hứa (linh mục Sài Gòn rồi mới đi)

Cha Phêrô Phan Thanh Hiền (linh mục Đà Lạt rồi mới đi)

Cha Phanxicô Phạm Văn Phương (linh mục Xuân Lộc rồi mới đi)

Cha Antôn Hoàng Minh Thư (linh mục Sài Gòn rồi mới đi)

Cha Gioan Trần Bình Trọng (Phú Cường gửi đi học HK)

Cha Gioan Trần Công Nghị (Xuân Lộc gửi đi Rôma, rồi sang HK)

Cha Giuse Phạm Văn Tuệ (Mỹ Tho gửi đi, rồi sang HK)

Cha Anre Trần Cao Tường (Long Xuyên gửi đi, rồi sang HK)

Cha Giuse Vũ Thành (từ Hoa Kỳ đi học Roma)

5/ Du học Canada

Đức Giám mục Phaolô Nguyễn Minh Nhật (linh mục Phát Diệm, rồi mới đi)

6/ Du học Anh Quốc

Cha Phaolo Nguyễn Gia Đệ (linh mục rồi mới đi Bỉ, Anh)

Cha Vincent Phạm Đắc Bằng (Đức Cha Chi Quy Nhơn gửi đi)

7/ Du học Đức Quốc

Cha Antôn Nguyễn Văn Tịnh (Pháp, Đức)

8/ Du học Thụy Sĩ

Giuse Tô Ngọc Liên (linh mục Sài Gòn)

3. Các linh mục Phát Diệm được Toà Thánh ân thưởng

Trong các linh mục gốc Phát Diệm đang phục vụ tại Việt Nam hay đang ở hải ngoại, có một số đã được Toà Thánh ân thưởng:

* Tước Đức ông bậc II (Prelato d'onore di Sua Santita):

- Cha Lê Bảo Tịnh Nguyễn Quang Thiệu, nguyên là linh mục tổng đại diện Giáo phận Phát Diệm (không du học)
- Cha Phanxicô Xavie Phạm Văn Phương (nhập Xuân Lộc, linh mục rồi mới du học HK, chính xứ ở Atlanta)
- Cha Đa Minh Vũ Văn Thiện, Giám đốc Foyer Phát Diệm, Roma
- Cha Phanxico B. Trần Văn Khả, Bộ Phụng Tự, Roma

* Tước Đức ông bậc III (Protonotario Apostolico: Chương Án Toà Thánh):

- Cha Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ, nguyên bí thư Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II (1988-1996).

4. Chung viện Phát Diệm từ 1954 tới 1964

Năm 1954 Tiểu Chung viện Phúc Nhạc đã di vào miền Nam. Suốt 2 năm sau đó, coi như Giáo phận Phát Diệm không còn nơi đào tạo chủng sinh. Mãi tới mùa Hè 1956, cha Tổng quản Paul Dương Đức Liêm và các cha trong giáo phận mới mở lại tiểu chủng viện, đặt tại Trường Thần học Thượng Kiệm cũ.

Ngày 29 – 6 – 1956, thánh lễ khai giảng Tiểu Chung viện mới tại đài Chúa Kitô Vua. Đông đảo các cha trong giáo phận về tham dự. Cha Giuse Nguyễn Duy Trinh: Giám đốc, cha Giuse Lê Quý Thanh: Linh hướng kiêm giáo sư, Thầy Giuse Trần Bá Vinh (sau là cha Giuse Trần Bá Vinh): Giám thị kiêm giáo sư.

Năm sau, 1957, những chủng sinh lớn tuổi được gửi ra Tiểu Chung viện Gioan Hà Nội (12 người); đồng thời, tuyển thêm 24 chủng sinh khác vào lớp mới. Tiểu Chung viện Thượng Kiệm, từ năm 1957, có ba lớp: 8, 7, 6; gồm 48 chủng sinh.

Năm 1959, sau mùa Hè, biến cố lớn đến với chủng viện. Cha Lê Quý Thanh làm giám đốc trường. Cha Nguyễn Duy Trinh tạm nghỉ uống thuốc. Nhà trường bị đóng cửa đợt I: chỉ còn ở lại 12 người. Lúc này cả 3 lớp dồn lại một.

Năm sau 1960, nhà trường bị đóng cửa đợt II. Lúc này chỉ còn 4 người được ở lại với một cha Giám đốc Lê Quý Thanh (lớp tứ quý); yên ổn được 3 năm. Đến ngày 18 – 12 – 1963, nhà trường bị đóng cửa hoàn toàn. Chủng sinh phải trở về gia đình, chỉ một mình cha giám đốc còn ở lại coi trường. Hằng ngày, bô Thèn ở Nhà chung mang cơm sang. Sau gần 2 tháng, ngài thụ phong giám mục phó tại Nhà thờ chính toà Phát Diệm, nhưng vẫn cư trú tại Tiểu Chung viện Thượng Kiệm. Cũng từ đó, ngài không còn được đi dâng lễ các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật tại xứ Văn Hải và Hoà Lộc nữa. Khoảng tháng 7 – 8 năm 1964, ngài chuyển về Toà Giám mục. Chủng viện Thượng Kiệm bị mất từ đấy”.

III. TRƯỜNG THỬ (PROBATORIUM)

Sau vài năm về nhận giáo phận, Giám mục A. Marcou (Thành) thấy nền học vấn trong các xứ đạo, ngay từ Tiểu học, không được đồng đều, nơi học Quốc ngữ, nơi học chữ Nho; nơi này thuê thầy giáo, nơi kia rước thầy đồ... Lực học của con em chênh lệch nhiều quá, khiến cho việc dạy dỗ trở nên khó khăn, mất nhiều thời giờ, nhất là trong trường hợp các họ đạo gửi những trẻ em học lực khác nhau như thế vào chủng viện.

Do đó, năm 1906, tức là 5 năm sau khi nhận quyền chấp chính, Giám mục A. Marcou đã cho lệnh: "Năm nay (1906), các học sinh mới cứ đến Chủng viện Phúc Nhạc như mọi khi, nhưng từ sang năm trở đi (1907), sẽ phải đến Phát Diệm" (22). Lý do là ngài đã có chương trình mở một Trường Thử (23), mục đích là chuẩn bị các em học sinh, lấy từ các họ đạo, có một nền học vấn căn bản, đồng đều, trước khi gửi vào chủng viện. Khu đất đã chọn để dựng trường mới, chính là nền nhà com xứ Phát Diệm hiện nay. Đó là một nếp nhà gỗ mấy chục gian, lợp bồi, sân chơi là sân phơi lúa, khu giải trí là một nhà tảo xá rộng bằng gỗ tạp, chính là kho trữ lúa thuộc xứ Phát Diệm bây giờ. Phòng của cha giám đốc là căn nhà mà ngày nay dành cho linh mục chính xứ Phát Diệm. Mãi tới năm 1910-1911, mới nối thêm mười mấy gian chạy dài về phía Nam. Tất cả vấn đề tài chính, chi phí, âm thực... đều do linh mục quản lý Nhà chung đảm nhiệm.

Các vị giám đốc đầu tiên: Linh mục Corbel (cố Vạn, 1907-1910), Linh mục De Cooman (1910-1912), tức giám mục tương lai của Phát Diệm và Thanh Hoá, Linh mục Gros (cố Hồng, 1912-1927), với sự cộng tác của hai linh mục Việt Nam là Giuse Kính và Giuse Hoàng Tất Đắc.

Sau Thế Chiến Thứ Nhất (1918), Trường Thử Phát Diệm di chuyển vào Ba Làng (tỉnh Thanh Hoá). Khi tới nơi, Trường Thử còn tá túc trong nhà cha chính xứ cả mấy năm trời. Ba Làng là một bãi bẽ thanh vắng, mát mẻ, nên chính quyền bảo hộ tỉnh Thanh Hoá ngày xưa cũng chọn làm nơi nghỉ mát cho nhân viên trong tỉnh. Mỗi lần đi nghỉ hè, ông Công sứ đem cả một số nhân viên hành chánh của Toà Thống đốc, Bộ chánh và Tư pháp đi theo, nghĩa là nói chính quyền thời đó đã xây cất cơ sở "Toà Tỉnh trưởng mùa Hè" ngay ở Ba Làng. Về sau tìm được bãi bẽ Sầm Sơn, cũng mát mẻ và chỉ cách tỉnh lỵ Thanh Hoá 16 cây số, thành ra chính quyền bảo hộ Thanh Hoá bỏ khu đất thừa lương Ba Làng, để chọn Sầm Sơn. Giám mục A. Marcou đã thương lượng với chính quyền bảo hộ, để mua lại cơ sở đó và Trường Thử được xây cất hoàn thành năm 1924. Riêng ngôi nhà nguyện hai tầng lầu được khởi sự năm 1925-1926, để kỷ niệm đệ tam bách chu niên: 300 năm ngày 19-03-1627, Linh mục Alexandre de Rhodes, dòng Tên, đã đổ bộ nơi đây (Cửa Bạng, tức Ba Làng), để đem Tin Mừng Chúa Cứu Thế cho dân Việt Nam.

Trong khoảng thời gian 1927-1940, chương trình văn hoá Trường Thử đã được chỉnh đốn lại và bắt đầu phát triển. Các linh mục ngoại quốc dạy Pháp văn, và các thầy giảng ưu tú dạy Việt văn và các môn Toán, Sử, Địa. Linh mục Corbel (Cố Vạn) trở lại giữ chức giám đốc lần thứ hai (1927-1931), Linh mục Lury (Cố Lưu) tiếp theo (1931-1940), trừ ra niên học 1933-1934, Linh mục Lehmann (Cố Lễ) giữ quyền giám đốc.

Năm 1932, thành lập Giáo phận Thanh Hoá và từ đó chuẩn bị tách rời ra khỏi Phát Diệm, thành ra từ niên học 1935-1936, các chủng sinh thuộc Giáo phận Phát Diệm rút về Phúc Nhạc, và cũng từ đó (Hè 1935), Trường Thử tại Ba Làng trở thành Tiểu Chủng viện chính thức của Giáo phận Thanh Hoá với đầy đủ cơ sở.

Tại Phát Diệm, ngày 15-10-1935, Giám mục Gioan B. Nguyễn Bá Tòng nhận địa phận. Ngay từ đầu năm 1936, ngài đã mua được một khu đất 7 mẫu ta ở Trì Chính, hai cây số xa Tòa giám mục, sát bên Dòng Kín (xây cất năm 1938). Dự tính của ngài là di chuyển đại chủng viện sang khu đất này, và nhường cơ sở đại chủng viện cũ cho Trường Thử từ nay là của riêng Phát Diệm. Nhưng vì trong mùa Hè 1939 Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ, không thể mua sắm cho đủ vật liệu, thành ra Giám mục Gioan B. Nguyễn Bá Tòng bỏ ý định di chuyển đại chủng viện, và tuyên bố dành khu đất này cho Trường Thầy Giảng, vì chỉ có khả năng dung nạp chừng 60 học sinh.

Thực ra, ngôi nhà đó, hồi 1944, đã là chỗ tạm cư cho 4 lớp học sinh Chủng viện Phúc Nhạc (như đã trình bày ở trên), và sau này chính quyền địa phương đã nhiều lần đến mượn, để mở các lớp huấn luyện cán bộ cho tới giữa năm 1946.

Ngày 01-10-1945, Đức Giám mục Lê Hữu Từ về cai quản Giáo phận Phát Diệm. Việc thứ nhất Ngài làm là tách khỏi Chủng viện Phúc Nhạc hai lớp học sinh nhỏ nhất (lớp 7 và 8), đem về Trì Chính, để tái lập một Trường Thử riêng biệt (hồi 1935, sau khi trường Ba Làng thuộc về tân Giáo phận Thanh Hoá, hai lớp nhỏ này được rút về, sáp nhập vào Chủng viện Phúc Nhạc). Chương trình đã thực hiện ngày 13-06-1946, bằng việc bổ nhiệm Linh mục Giuse Nguyễn Duy Phượng làm giám đốc đầu tiên (1946-1951). Công việc tu chỉnh đời sống tinh thần và vật chất đã đưa tới thành quả mỹ mãn. Ngày 18-07-1951, Linh mục Đinh Long Điện về thay thế (1951-1954) chức vụ giám đốc, và được một số đại chủng sinh cộng tác đặc lực. Ngày nay, hầu hết các chủng sinh này đã làm linh mục; trong số đó có F.X. Phạm Quang Điện (hiện là Viện Phụ Taddeo, Dòng Benedictin, Thiên An, nhưng phụ trách một trường chuyên nghiệp tại Thiên Bình, một chi nhánh của Thiên An, trên đường Tam Hiệp - Vũng Tàu, Biên Hòa).

Sau ngày đất nước chia đôi, vì Hiệp định Genève 1954, trên đường di cư vào miền Nam Việt Nam, Trường Thử này bị giải tán. Một số học sinh đã xin vào các chủng viện địa phương Miền Nam, và đã tới đích linh mục.

IV. BỆNH VIỆN TẠI PHU VINH

Năm 1902, lúc mới thành lập giáo phận, trong cả tỉnh Ninh Bình mới có một bệnh viện duy nhất ở trung tâm tỉnh lỵ, xa Phát Diệm gần 30 cây số. Thành ra, một trong những mối suy tư đầu tiên của Giám mục A. Marcou Thành là làm sao mở ngay tại thị xã Phát Diệm một bệnh viện, để phục vụ dân chúng và nhân viên truyền giáo.

Về phía Tòa giám mục, Đức cha A. Marcou đứng ra mua 2 mẫu ruộng ở làng Phu Vinh (nghĩa là phô ra vẻ sự vinh hiển, cũng như Phát Diệm là tỏa ra vẻ đẹp, Lưu Phương là lưu lại hương thơm... Nhưng hiện nay, quen gọi là Phú Vinh), bên kia sông, đối diện với khu Thánh đường Đức Mẹ Mân Côi. Linh mục Pilon (cố Long) được ủy thác, đã xây cất trong một thời gian kỷ lục tất cả 5 cơ sở:

- Một nhà lầu 7 gian, hướng Nam, trên dưới 14 phòng, dành cho các bệnh nhân giáo sĩ và tu sĩ;
- Xế về phía Đông, xây một nhà khác dành cho cộng đoàn nữ tu phụ trách bệnh viện;
- Mạn Bắc, xây đền thờ thánh An Tôn (Saint Antoine de Padoue) làm nhà nguyện của bệnh viện;
- Phía Đông Bắc, dùng vật liệu cũ của ngôi đình làng Phát Diệm nhường lại, để cất một trường nữ sinh;

- Sau cùng là phía cực Đông, một dãy nhà dài cho các bệnh nhân, trong đó một phần dành làm cô nhi viện.

Các chi phí về tiêu dụng, thuốc men... đều do Nhà chung đảm nhiệm. Về phía dân làng Phát Diệm, Ủy ban Hành chánh Xã đã trích ra 100 mẫu ở đồng làng Văn Hải, để ủng hộ và đóng góp vào công việc xã hội này. Thực ra, bệnh viện đã phát triển và hoạt động đến mức độ không còn đủ khả năng thoả mãn nhu cầu của dân chúng. Năm 1913, Đức Giám mục A. Marcou đã phải xin chính quyền bảo hộ thời đó mở thêm một bệnh viện khác rộng lớn hơn, ở xa chừng hai cây số tại Trì Chính. Và sau một thời gian (1926), chính vị giám mục hăng hái này còn xây cất hai bệnh viện khác, đặt ở hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hoá.

Công việc phụ trách tại Phú Vinh, đầu tiên, trao cho chị em nữ tu Dòng Thánh Phaolô (Saint Paul de Chartres) (24). Nhưng từ năm 1924, chị em Dòng Đức Bà Truyền Giáo (Notre Dame des Missions) đến thay thế (25). Dân chúng Phát Diệm không ai quên được những hy sinh tận tụy và tấm lòng bác ái vị tha của chị em Dòng Đức Bà Truyền Giáo trong bằng ấy năm phục vụ ở Phú Vinh, cho tới năm 1954, năm có cuộc di cư vĩ đại của gần một triệu dân Bắc vào Nam. Phải kể nhất là hai năm 1927 và 1945. Năm 1927, một nạn lụt kinh khủng suốt bảy đêm bảy ngày, vì con đê sông Càn bị sức nước đâm thủng và tràn ngập, thành ra sau đó phát xuất một nạn dịch tả ghê gớm! Biết bao nhiêu nạn nhân liên tiếp chờ về Phú Vinh, trong số đó có cả Mẹ Marie de l'Eucharistie, Giám đốc bệnh viện, vì quá xả kỷ bên giường bệnh nhân, đã bị lây họ và ngày 02-5-1927, đã hy sinh bỏ mạng trong vòng mây tiếng đồng hồ. Năm 1945, nạn đói chưa từng có trên toàn cõi Bắc Việt, vì chế độ bạo quyền của quân đội Nhật Bản lúc đó đồ hộ hà khắc! Người ta còn kể rằng: mỗi buổi sáng thức dậy, ngày nào ít ra cũng 5, 6 trẻ em bị thân nhân bỏ rơi, nằm rên xiết ở ngoài cổng bệnh viện hay là sau những cụm tre chung quanh nhà... Dân chúng đói quá, gục chết trên vệ đường, chết ban ngày ban đêm, chết bất chấp thời gian, chết nhiều quá, chết không kịp mai táng...! Những trẻ em bị bỏ rơi thì các nữ tu bệnh viện rước về nuôi, nhiều lần rước về chôn cất; còn những xác người lớn chất đống trên xe bò, xe kéo... nhân viên của bệnh viện có công tác đi tìm để bó chiếu đem ra nghĩa địa! Theo sổ thống kê của Bệnh viện Phú Vinh, năm 1950-1951, nghĩa là 5 năm sau nạn đói, số trẻ em bị bỏ rơi được bệnh viện rước về còn lên tới 125 em và số người đến khám bệnh, xin thuốc là 18.275 người.

Vào Nam, Dòng Đức Bà Truyền Giáo hiện nay đặt trụ sở tại Thủ Đức (Sài Gòn) và đang hoạt động ở các Giáo phận Sài Gòn, Nha Trang, Đà Lạt, Ban Mê Thuột.

V. DÒNG MẾN THÁNH GIÁ PHÁT DIỆM

1. Nhà Mẹ tại Lưu Phương

Cũng như các chị em Dòng Mến Thánh Giá trong khắp cõi Việt Nam, Dòng Mến Thánh Giá tại Phát Diệm được khai nguyên bởi cùng một nguồn gốc, do Đức Giám mục Pierre Lambert de la Motte, một trong hai vị giám mục truyền giáo đầu tiên của Giáo hội Việt Nam. Ngài đã đề cập đến vấn đề lập Dòng Mến Thánh Giá trong Công đồng thứ Nhất họp tại Phó Hiến (Hưng Yên ngày nay) ngày 15-02-1670; và sau đó ít ngày, Tu viện Mến Thánh Giá đầu tiên được thành lập ở Kiên Lao (Nam Định). Chính ngài đã soạn thảo và đích thân trao Hiến pháp cho chị em nhằm ngày Lễ Tro năm 1670.

Năm 1902, khi Giám mục A. Marcou về thành lập tân Giáo phận Phát Diệm, Dòng Mến Thánh Giá đã có sẵn 3 nhà: Bạch Bát (cũng gọi là Bạch Liên), Phúc Nhạc và Thành Đức (Cách Tâm), tuy nhiên vẫn là ba nhà biệt lập. Trong tư tưởng muốn tập hợp họ về Phát Diệm, Đức Giám mục cho mua một thổ cư (26) độ 8 sào ta, ở ngay làng Lưu Phương, đối diện với khu Nhà thờ chính toà. Ban đầu là những dãy nhà bằng gỗ, lợp bồi, chia thành khu nhà ở, nhà nguyện, nhà in, nhà kho, nhà bếp...

Năm 1903, ngài di chuyển nhà in (trước ở Phúc Nhạc) về Lưu Phương với 6 chị em và trao công tác đầu tiên. Công tác này chia làm 3 loại:

* Nhà in: In các sách đạo, và in đây toàn in bằng chữ Nho hoặc chữ Nôm. Thời đó, các văn kiện như: đơn từ, văn tự, văn khế... viết bằng chữ Nho. Các sách đạo như Sách Kinh, Sách Giáo Lý, Lịch Công giáo, Sách Tứ Chung, Sách Dẫn Đàng Giữ Đạo, Sách Cấm Phòng, Sách Mười Lăm Sự Thương Khó Đức Chúa Giêsu, Sách Dẫn Đàng Nhân Đức Trọn Lành... thì viết bằng chữ Nôm.

* May đồ phụng vụ: Tức là những đồ thuộc về bàn thờ như áo lễ, khăn vai, khăn thánh, áo các phép, áo Đức Mẹ Mân Côi... không chỉ để cung cấp cho các xứ đạo, mà còn làm phần thưởng cho các kỳ thi đua giáo lý, hay tặng cho các linh mục ở miền xa xôi, nghèo khổ...

* Làm thuốc viên: Thời xưa còn hiếm thuốc Âu Mỹ. Vì được kế thừa những đơn thuốc tốt hoặc gia truyền của các linh mục quá cố để lại, chị em Dòng Mến Thánh Giá đi mua dược liệu tại các tiệm thuốc Bắc, rồi tự bào chế lấy để tiện dụng hay cung cấp cho dân chúng trong các miền thôn quê.

Năm 1913, Linh mục Bareille (cố Sơn) dựng thêm cho tu viện một ngôi nhà nguyện, nhưng với thời gian đã mau trở nên chật hẹp, do đó, năm 1933-1934, Giám mục de Cooman xây một nhà nguyện khác rộng rãi hơn, theo lối kiến trúc tân kỳ của Âu Châu. Sở dĩ phải nhắc tới Giám mục de Cooman là vì ngay từ 1916, một năm trước khi được bổ nhiệm làm giám mục phó Phát Diệm, ngài được Đức Giám mục A. Marcou ủy thác cho việc trông coi Dòng Mến Thánh Giá. Việc ngài cần làm ngay là lo thống nhất các tu viện trong giáo phận, lo sửa lại Hiến pháp, quy định việc tuyên khấn 3 nhân đức: vâng lời, khiết tịnh, khó nghèo theo đúng Giáo luật. Năm 1925, Hiến pháp mới bắt đầu thi hành và tất cả 71 chị em đã thống nhất hoá tuyên khấn lần đầu tiên. Ngài chỉnh đốn lại các cơ sở, bằng cách xây Nhà Mẹ cho các chị em đã khấn năm 1932 và đồng thời xây luôn Đệ Tử viện (thiết lập từ năm 1927), để thu hút ơn kêu gọi (nhưng năm 1968 bị bom tàn phá). Riêng Tập viện được thành lập năm 1912, nhưng phải đợi mãi đến năm 1937 mới được mặc hình thức đồ sộ ngày nay. Chính Đức Giám mục Nguyễn Bá Tòng đã lấy tiền riêng của ngài để xây dựng cơ sở này.

Năm 1932, Toà Thánh cắt một phần Giáo phận Phát Diệm và lập Giáo phận Thanh Hoá. Dòng Mến Thánh Giá, theo Hiến pháp, là dòng giáo phận, thành ra ngày 09-11-1932, Toà Thánh ban sắc lệnh cho tất cả tu viện nằm trong lãnh thổ giáo phận mới tách khỏi Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm, để trở nên Dòng Mến Thánh Giá Giáo phận Thanh Hoá. Tuy nhiên, sắc lệnh đó chỉ công bố và thực hiện ngày 23-11-1935. Chính vì thế, mặc dầu Giáo phận Thanh Hoá đã thành lập, trong mấy năm đầu, Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm và Thanh Hoá vẫn còn liên lạc với nhau, sống dưới sự chỉ huy một Bà Mẹ Tổng quyền và theo một Hiến pháp chung. Thực ra, hai dòng chị em

đã đứng biệt lập dứt khoát từ năm 1936, khi Dòng Mến Thánh Giá Thanh Hoá bầu lên một bà mẹ tổng quyền riêng biệt.

2. Các nhà địa phương

Bạch Bát (Bạch Liên): Thành lập năm 1749, trong thời bách hại Công giáo. Người ta còn ghi lại danh sách 3 chị em: Mến, Năng, Hiên. Tất cả xuất xứ từ Trịnh Hà (Thanh Hoá). Trong thời cấm đạo, 3 chị em này đã có công nuôi nhiều linh mục, tu sĩ ngoại quốc và Việt Nam bị giam trong ngục. Nhà này có trường nữ sinh, mở năm 1911.

Phúc Nhạc: Thiết lập năm 1788, cũng là năm đang cấm đạo. Ba chị em đầu tiên: Sa, Khiêm và Thanh, quê ở Soi Trám (Mường, thượng du Bắc Việt). Năm 1841, hai chị Khiêm và Thanh cùng bị bắt một lúc với Thánh Đê ngày 20-3-1841 vì tội chứa chấp đạo trưởng. Hai chị em bị tống giam ở Nam Định, cũng trong một nhà tù với thánh Đê, nhưng ở căn riêng biệt, nhiều lần bị tra khảo tàn bạo, bị nhục hình, nhất là bị người ta thả những con rắn độc trên mình, nhưng Chúa gìn giữ vô sự. Thánh Đê vì già yếu đã chết trong tù, nhưng được hai chị em Dòng Mến Thánh Giá giúp đỡ và đưa cả linh mục giả dạng vào giải tội cho bà trước khi bà thở hơi cuối cùng.

Bà Trịnh Quang Khanh, phu nhân vị Tổng đốc Nam Định, thấy hai chị em nữ tu, cũng là bạn gái còn thanh xuân mà bị gia hình một cách nhục nhã và quá tàn nhẫn, vừa thương tình vừa xấu hổ lây, nên đã xin chồng tha cho hai chị về nhà.

Ngoài ngôi trường nữ sinh lập năm 1930, Phúc Nhạc còn một tổ chức, quen gọi là Nhà hội là chỗ dành riêng để thu lượm và nuôi dưỡng những trẻ em bị bỏ rơi hay mồ côi cha mẹ. Nếu tính từ năm thành lập 1788 cho đến nay, tức là hơn hai thế kỷ, chị em Dòng Mến Thánh Giá Phúc Nhạc đã lập được biết bao nhiêu công phúc trong đời sống bề ngoài có vẻ âm thầm khiêm tốn của các chị.

Cách Tâm: Ra đời năm 1828, đang thời kỳ cấm đạo, do công lao ba chị: Nhường, A và Tứ, từ nhà Yên Mối (tức Gia Lạc ngày nay) xuống lập. Cả ba chị em cũng phải chịu cực hình, vì can tội chứa chấp đạo trưởng. Bị trói giải đi giam ngục Kinh Lũng (tức Vân Lung), suốt trong ba tháng trời, bị đánh đập dữ dội, rồi sau bị quan toà đe dọa đem thiêu sinh, chứ không thềm trảm quyết cho đờ lưỡi gươm. Nhưng cách đây một tuần lễ có sắc chỉ tha đạo, ba chị em trở về tu viện cũ. Năm 1904, lập thêm một trạm phát thuốc và nuôi dưỡng những người già yếu và trẻ em mồ côi. Năm 1927, mở trường dạy nữ sinh.

Tiếp theo đó, tùy nhu cầu thời đại, các cộng đoàn khác dần dần được thành lập: Ninh Bình (1919), Văn Hải (1927), Khiết Kỷ (1937), Hướng Đạo (1938), Tôn Đạo (1940), Vô Hốt (1940), Quyết Bình (1950), Dưỡng Diêm (1950), Như Tân (1952) và Tân Khẩn (1953).

Chỗ nào cũng thế, ngoài cố gắng tu luyện, thánh hoá bản thân và tôn sùng đời sống khổ nạn của Chúa Kitô, chị em Dòng Mến Thánh Giá ôm ấp hoài bão được cộng tác trong sự nghiệp tông đồ truyền giáo, bằng cách hoạt động trong trường học, ký túc xá, ký nhi viện, bệnh viện hoặc các hội đoàn tôn giáo trong các họ đạo, hay bất cứ một công tác nào do giáo quyền địa phương chỉ định.

Phải chứng kiến những cảnh tượng hãi hùng trong tháng Ba năm đói 1945, người ta mới ý thức những phương tiện dân thân của chị em nữ tu Việt Nam này. Họ xung phong đi từng hai người một, rảo bước trên những đoạn đường nhà quê, tay mang gói cơm đã nắm lại từng nắm nho nhỏ,

hiều khi là của đã bớt khẩu phần của mình, họ tìm những người chết lả bên đường, cho ăn từng chút một để cho tỉnh lại và để chịu các phép bí tích cần thiết. Có lúc thấy họ mất hẳn cái tính e dè sợ hãi của nữ giới, họ ngồi kề bên những thân xác tả tơi dơ bẩn, để an ủi, để giúp nạn nhân ăn năn thống hối và can đảm chấp nhận thánh ý Chúa. Họ còn lan chân đi trước cả linh mục, hướng dẫn ngài đi ban các phép cho những người đang thoi thóp thở những hơi cuối cùng.

Bởi vì chị em Dòng Mến Thánh Giá chấp nhận tất cả những hình thức tông đồ như thế, nên năm 1946 Đức Giám mục Lê Hữu Từ, hồi đó cai quản Giáo phận Phát Diệm, đã đồng ý cho chị em đổi y phục dòng cho thích hợp với thời đại mới. Năm 1948, Ngài còn chỉnh tu cuốn lễ nghi “Mặc Áo và Khấn Dòng”, nâng cao về tôn nghiêm bằng những lời cầu nguyện sốt sắng của Giáo hội, bằng những bản nhạc du dương kén chọn, nói lên sự cao quý và hạnh phúc của đời sống nữ tu tận hiến.

Ngoài ra, còn một số công tác chị em Mến Thánh Giá thực hiện ngoài địa phận. Là những trường hợp các vị giáo quyền địa phận khác yêu cầu chị em như:

- * Năm 1942: Đến giúp cải tổ Dòng Mến Thánh Giá Giáo phận Hưng Hoá tại Yên Bái.
- * Năm 1946: Giúp thành lập Dòng Mân Côi tại Bùi Chu.
- * Năm 1951: Giúp cải tổ Dòng Mến Thánh Giá Bùi Chu, sau này đổi là Dòng Đức Mẹ Trinh Vương (trụ sở hiện nay tại Bùi Môn, Sài Gòn).

Cũng trong thời kỳ đó, còn đi giúp chỉnh tu Dòng Mến Thánh Giá Hà Nội, nhưng công việc chưa thành tựu thì xảy ra biến cố lịch sử, tức là cuộc di tản khổng lồ vào Miền Nam Việt Nam năm 1954.

3. Tại Miền Nam Việt Nam

Ngày 29-6-1954, lớp chị em Mến Thánh Giá đầu tiên ra đi với đoàn giáo dân di tản là một số chị em đã khấn và một số đệ tử sinh. Cứ tưởng rằng là một cuộc lánh nạn tạm thời, có ngờ đâu lần đó ra đi, để rồi không có ngày về. Ngày 11-7-1954, đoàn tàu quốc tế chở chị em cập bến Sài Gòn và được đưa về tá túc tại Dòng Mến Thánh Giá Chợ Quán. Tại đây, Đức cha phụ tá Trần Thanh Khâm, hồi đó đang là cha sở kiêm phụ trách nhà dòng, và ban giám đốc tu viện dành cho chị em di cư một sự đón tiếp chân thành quảng đại. Tu viện đầu tiên của chị em tại Miền Nam là một căn nhà gỗ do Đức cha Lê Hữu Từ, với sự đồng ý của cha chính xứ, tạm dựng ngay ở đầu nhà thờ và trên đất của họ Chợ Quán. Một số chị em đi dạy ở trường Trung Tiểu học Thánh Linh thuộc quyền Dòng Mến Thánh Giá Chợ Quán, để có phương tiện nuôi sống chị em khác. Về sau, nhờ số viện trợ chung cho người tị nạn, nhất là nhờ công lao mồ hôi nước mắt của toàn thể chị em, Chúa đã cho chị em lấy lại được mức thăng bằng tinh thần và vật chất. Hội dòng mở lại các nhà đệ tử, tuyển thêm số nữ tu và rồi đi theo cộng đoàn giáo dân tới những miền xa xấp, sinh sống với họ. Trung tâm hội dòng đặt ở Xóm Mới, thuộc xã An Nhơn, quận Gò Vấp, Gia Định, có nhà mẹ, tập viện, cô nhi viện, ký túc xá và Trường Thánh Têrêxa Hải Đông.

Hơn 20 năm sống tại Miền Nam Việt Nam, Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm đã tìm lại được nguồn sinh lực của mình: 233 chị em đã khấn, 36 tập sinh và thử sinh, 180 đệ tử sinh (27), phân phối trong 16 cộng đoàn lớn nhỏ: Phú Nhuận, Tân Hiệp, Hoà Hưng, Phúc Nhạc, Đông Hoà, Tân Phước,

Nam Bình, Tân Phú, Đà Lạt, An Hoà, Bảo Lộc, Tân Phát, Thuận Phát, Phước Tĩnh và sau biến cố 30-4-1975, tại Phương Lâm, Bầu Cá, Võ Đất.

Trong tập “Kỷ Niệm Lễ Ngân Khánh Dòng Chị Em Mến Thánh Giá Phát Diệm (1925-1950)”, nhân số hội dòng hồi đó được ghi nhận: 151 chị em đã khấn, 25 tập sinh và 17 đệ tử sinh (28).

Nhưng trong bản “Báo cáo tình hình nhân sự và hoạt động” của hội dòng nhiệm kỳ I (1990-1994), Chị Tổng phụ trách Anna Nguyễn Thị Thanh đã ghi nhận (29), số nhân sự nguyên trong Miền Nam Việt Nam là 304 chị em đã khấn, 44 tập sinh năm I và II, 46 đệ tử sinh.

Trước 1954, ở ngoài Bắc có 14 nhà. Sau 1954, ở trong Nam, đã lên tới 27 nhà, chia ra: 7 trong Giáo phận Sài Gòn, 15 trong Giáo phận Xuân Lộc, 5 trong Giáo phận Đà Lạt.

Chúng tôi còn nhớ, năm 1997, Nhà mẹ tại Gò Vấp gửi sang Roma đơn xin Phép lành Toà Thánh, nhân dịp khấn dòng hằng năm (12-6-1997): 5 chị khấn trọn đời, 11 chị khấn lần đầu, 21 chị vào Tập viện và 23 chị vào tiên Tập viện, tổng cộng 60 chị. Đơn xin viết trên một trang giấy lớn, đánh máy dày đặc. Các nhân viên trong Văn phòng Phép lành Toà Thánh đặc biệt chú ý đến con số 60 nữ tu của một cộng đoàn Việt Nam khấn dòng chỉ trong một ngày, cho nên họ hết lời ca ngợi số ơn kêu gọi dồi dào tại Giáo hội truyền giáo ở mãi tận trời xa xăm.

Chính vì Chúa thương ban cho luôn được nhiều ơn gọi tận hiến, cho nên hội dòng đã có thể gửi một số chị em đi tu học ở trong nước và ngoài nước, nhằm bảo đảm sự phát triển tương lai. Hồi xa xưa, năm 1950-1952, nhờ sự bảo trợ của Đức Giám mục Lê Hữu Từ, Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm đã gửi được 9 chị em ra ngoại quốc (Bi và Mỹ). Sau khi tốt nghiệp, các chị em đã hồi hương làm việc. Trước 1975, ở Miền Nam Việt Nam, ngoài một số chị theo học ở Viện Đại học Đà Lạt và ở Văn Khoa thuộc Viện Đại học Sài Gòn, hội dòng còn gửi thêm được 5 chị ở Pháp, 2 chị ở Mỹ, 2 chị ở Phi Luật Tân và 4 chị ở Ý. Hầu hết các chị theo học văn chương và sinh ngữ, chuẩn bị lãnh trách nhiệm tại các trường nữ Trung học.

Trong chiều hướng thăng tiến, và để giúp các Dòng Mến Thánh Giá di cư tiến bước đồng nhịp với các chị em nữ tu Mến Thánh Giá khác ở Việt Nam, từ năm 1963, Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình ủy thác cho Hội Dòng Phát Diệm công tác giúp huấn luyện chị em Dòng Mến Thánh Giá gốc Giáo phận Hải Phòng và Thái Bình. Theo hợp đồng, việc trợ huấn sẽ dài hạn cho đến khi về Bắc (!), để hai dòng chị em đó cùng chấp nhận một Hiến pháp và cùng tuyên khấn công khai ba nhân đức theo Giáo luật.

Phải công nhận là có bàn tay Chúa Quan Phòng xếp đặt mọi sự. Trong cuộc di cư vĩ đại vào Nam Việt Nam, lúc ban đầu là đau khổ, túng thiếu, mới lạ, e dè, tính toán, nhưng rồi ra chính tay Chúa đã đánh tan những chướng ngại vật đó. Ân sủng Chúa đã tưới mát và thấm sâu lòng người, đã đem những cộng đoàn Mến Thánh Giá Việt Nam trước kia xa cách nhau vì biên giới, vì thành kiến, ngày nay xích lại gần nhau. Sau cùng, cũng chính Chúa Quan Phòng đã dùng giáo quyền liên kết những cộng đoàn này, xưa kia xuất phát từ một nguồn gốc và ngày nay vẫn còn theo đuổi một chí hướng, một tinh thần, một việc tông đồ. Tuy vẫn còn tùy thuộc từng giáo quyền địa phương, nhưng những cộng đoàn Mến Thánh Giá Việt Nam này đã có dịp gặp gỡ nhau, thông cảm nhau, yêu thương nhau và cổ vũ nhau trên đường phụng sự Thiên Chúa và phục vụ con người. Trong nhiệm

vụ làm vinh danh Chúa, họ đã cảm nghiệm mình thật sự là chị em, và luật yêu thương nhau, cộng tác với nhau là luật của Chúa.

4. Dòng Mến Thánh Giá tham gia Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới về “Đời sống tận hiến” tại Roma (1994)

Trong một bữa ăn trưa, Đức Hồng y Schotte, Tổng thư ký Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới (THĐGMTG) trình bày trước Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II chương trình nghị sự của THĐGMTG về đời sống tận hiến và đề nghị danh sách các vị được mời tham dự.

Chúng tôi nghĩ ngay tới Dòng Mến Thánh Giá và xin phép thưa rằng Dòng Mến Thánh Giá Việt Nam là một dòng thuần túy Việt Nam, được thành lập mãi từ 1670, ba bốn thế kỷ mãi cho tới ngày nay vẫn minh chứng một đời sống trung kiên, vững vàng và hiệu nghiệm. Trong Dòng Mến Thánh Giá có từng trăm, từng ngàn thành viên, rải rác trên mọi nẻo đường Bắc-Trung-Nam. Cả trong các địa điểm xa xăm hẻo lánh, nhiều khi chỉ có hai ba nữ tu khó nghèo, lặn lội trong cả những chỗ khi ho cò gáy, đêm ngày mài miết trong nghĩa vụ dạy giáo lý, dạy chữ cho các em của những gia đình nhà quê. Hy sinh như thế mà không đòi hỏi thuốc men, lương lậu, tiện nghi. Rồi trong thời bách hại trước đây, từng trăm nữ tu đã ngã gục để làm chứng nhân cho Chúa Cứu Thế, cho Giáo hội. Tại sao số nữ tu này không bao giờ được mời, để nói lên linh đạo và nếp sống lành mạnh, thâm thúy và anh dũng của mình?

Ý kiến phát biểu được Đức Thánh Cha và các vị thượng cấp chấp thuận. Sau đó, chúng tôi gọi báo tin vui mừng này về Việt Nam một năm trước khi THĐGMTG khai mạc, để cho vị nào được chọn có thời gian chuẩn bị các tài liệu cần thiết. Quả thật, chị Anna Nguyễn Thị Thanh, Tổng quyền Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm, đại diện cho Dòng Mến Thánh Giá Việt Nam đã được đón chào một cách ưu ái, quảng đại trong Gian Phòng Phaolô VI. Và bài thuyết trình của chị về “Mầu nhiệm Thánh Giá và Linh đạo Dòng Mến Thánh Giá”, nhất là những phương thức hy sinh, hãm mình khắc khổ... vẫn còn ghi trong Hiến pháp thời xưa, và còn áp dụng thời nay đã được Đức Thánh Cha Phaolô II và hơn 350 hồng y, tổng giám mục, giám mục và quan sát viên tu sĩ nam nữ thế giới theo dõi và hoan nghênh nhiệt liệt. Đức Thánh Cha đã nói lên cảm nghĩ của mình: *“Họ từ phương xa đến chỉ cho chúng ta biết con đường tận hiến đặc thù cho Chúa bên Á Châu”*. Nói như thế là vì trong giới nữ tu ngoại quốc hiện nay, hi sinh hãm mình của họ thường ở tại chỗ họ sẵn sàng phục vụ tha nhân trong các dịch vụ bác ái, xã hội, còn nói tới ăn chay, hãm mình, đánh tội... của thời xa xưa, thường làm cho một số chị em sợ hãi!

5. Dòng Mến Thánh Giá Việt Nam là thành phần phái đoàn Toà Thánh dự Hội nghị Quốc tế về Gia đình tại Bắc Kinh (từ 04 tới 15-9-1995)

Trong Đại hội Quốc tế năm 1994 tại Le Caire về vấn đề gia đình, một số chính phủ, nhất là chính phủ Hoa Kỳ, dùng uy tín của mình, nhất định biểu quyết chấp thuận nguyên tắc và quyền lợi người phụ nữ được công khai phá thai (30). Toà Thánh đã phải vất vả làm việc tối đa để vận động các chính phủ khác, nhất là Nam Mỹ, cương quyết phản đối, và thực ra, đã thắng phiếu trong phiên họp nghị quyết sau cùng. Tuy nhiên, người ta vẫn còn sợ, rồi ra, vấn đề lại được đặt ra tại Hội nghị Quốc tế về Gia đình ở Bắc Kinh. Khi Toà Thánh hỏi lập trường về gia đình của các nước Á Châu, Việt Nam lại được chọn và chính Toà Thánh lại nhắc đến tên chị Anna Nguyễn Thị Thanh, Tổng quyền Dòng Mến Thánh Giá tại Gò Vấp, đã tham dự THĐGMTG tại Roma năm 1994. Với nhiều

đòi hỏi thủ tục về giấy tờ, sau cùng, chị Anna Nguyễn Thị Thanh đã tới Bắc Kinh, tuy chậm 2, 3 ngày, nhưng chỗ của chị tại hội nghị và phòng của chị tại khách sạn vẫn còn được giữ y nguyên. Chị tới phòng hội, trong tay đã có sẵn một bản thuyết trình bằng Anh ngữ về gia đình Việt Nam.

6. Phong trào trở về nguồn của Dòng Mến Thánh Giá (31)

Một trong những đặc sủng lớn lao mà Chúa Quan Phòng đã ban xuống cho các Hội Dòng Mến Thánh Giá Việt Nam sau cuộc di cư vĩ đại năm 1954 là đã tạo cơ hội cho 7 Hội Dòng Mến Thánh Giá chung sống và hoạt động chung với nhau ở Tổng Giáo Phận Sài Gòn, được nhiều cơ hội gặp gỡ nhau, trao đổi tư tưởng về đời sống tận hiến và định hướng con đường phải cùng nhau tiến bước, để phục vụ Thiên Chúa, phục vụ tha nhân... theo đúng ý muốn của Công Đồng Vatican II và Bộ Giáo luật năm 1983. Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã tìm được một linh mục cố vấn trẻ trung, rất đặc lực, đó là cha Phi Khanh Vương Đình Khởi, OFM. Đức Tổng Giám mục đã trao cho cha Khởi toàn quyền hoạt động, với tư cách là cố vấn cho Nhóm Nghiên cứu Linh đạo và Soạn thảo Hiến chương Mến Thánh Giá.

Cuộc họp đầu tiên được tổ chức ngày 25-8-1985 tại Tòa Tổng Giám Mục Sài Gòn, gồm 14 thành viên, đại diện cho 7 Hội Dòng Mến Thánh Giá hiện hữu trong Tổng giáo phận. Công việc làm có hiệu quả và tiến hành mau lẹ. Như vết dầu loang và trong tinh thần tương thân tương ái, Nhóm đã chia sẻ các thành quả hội thảo cho tất cả các Hội Dòng Mến Thánh Giá thuộc các giáo phận khác đang sống trong bầu không khí phấn khởi chung.

Nhóm Nghiên Cứu làm việc nhằm hai mục đích:
Nghiên cứu di sản tinh thần Dòng Mến Thánh Giá
Soạn thảo Hiến chương chung
Cả hai mục tiêu đã đạt được.

Kết quả mục tiêu I là xuất bản 3 tập:

Tiểu sử Đức Cha Lambert de la Motte

Bút tích của Đức Cha Lambert de la Motte (1986)

Linh đạo Lâm Bích (1987)

Kết quả mục tiêu II là tập “*Quy chế Dòng Nữ Mến Thánh Giá*” (1989) gồm 8 chương và 194 điều. Mỗi chương đều có 2 phần: linh đạo và quy tắc pháp lý, cố gắng phản ảnh trung thực tinh thần Đức cha Lambert de la Motte và trình bày các khía cạnh đời sống nữ tu Mến Thánh Giá hôm nay, dung hoà những nét đặc sắc của đăng sáng lập dòng (thế kỷ XVII) với những ý thức và hoàn cảnh hiện tại (thế kỷ XXI).

Thành quả tốt đẹp này Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình hân hoan đón nhận. Ngày 27-02-1990, dịp Lễ Tro, kỷ niệm 320 năm Đức cha Lambert de la Motte chính thức lập Dòng Mến Thánh Giá tại Đàng Ngoài, Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình đã long trọng phê chuẩn và công bố Hiến chương Dòng Mến Thánh Giá, ban phép cho 7 Hội Dòng Mến Thánh Giá hiện hữu trong Tổng Giáo phận: Thủ Thiêm, Chợ Quán, Phát Diệm, Hà Nội, Bắc Ninh, Tân Lập và Tân Việt, áp dụng Hiến chương này trong thời hạn 4 năm, kể từ ngày ký (27-02-1990). Nhưng thực ra, trong Giáo phận Sài Gòn, các Hội Dòng Mến Thánh Giá (7 Hội Dòng hiện hữu tại đó) đã thi hành Hiến pháp mới từ ngày 19-3-1980, nghĩa là từ lễ thánh Giuse, bôn mạng của Dòng.

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, công việc trở về nguồn mới khởi xướng, đã được Thiên Chúa chúc lành dồi dào, không những Ban Nghiên cứu Hiến pháp đã cho xuất bản một số tài liệu; cái đáng kể là tinh thần tương thân tương ái hun đúc bên trong xuất phát từ Thiên Chúa. Đang khi 7 Hội Dòng hiện hữu tại Sài Gòn làm việc, thì 5 Hội Dòng khác: Huế, Phan Thiết, Hải Phòng tại Xuân Lộc, Cái Nhum và Cái Mơn cũng thường xuyên được Ban Nghiên cứu mở cửa đón vào tham dự, học hỏi chung.

Do đó kết quả sau cùng là trên số 23 Hội Dòng Mến Thánh Giá: 22 quốc nội và 1 hải ngoại (gốc Phát Diệm tại Los Angeles) thì hiện nay có 15 Hội Dòng đã chính thức chấp nhận quyền Hiến chương mới. Trong 8 Hội Dòng còn lại, một số đã được đăng bản quyền ưng thuận và cũng đang chuẩn bị đón nhận tân Hiến chương.

Sinh hoạt trong thời hậu Hiến chương: Nhờ có tinh thần hoạt động siêu nhiên, tương thân tương ái và hăng say đào sâu linh đạo Mến Thánh Giá, bằng cách trở về nguồn trên đây, chị em Mến Thánh Giá đã cảm nghiệm một sức sống bên trong như một Lễ Hiện Xuống mới:

Trong 3 năm (1990-1993), Nhóm Hiến chương Trung ương đã tổ chức mỗi 2 năm một khoá bồi dưỡng (3-4 ngày) để đáp ứng sự hăng say học tập của các Hội Dòng.

Từ 1993 trở đi, nhóm chỉ có thể tổ chức mỗi năm một khoá bồi dưỡng (lâu hơn 5-6 ngày) (32). Và từ năm 1994, theo sự khuyến cáo của Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, Nhóm Tổ chức Trung ương đã chính thức đăng ký trước chính quyền dân sự các khoá bồi dưỡng với chương trình nghị sự, do đó mà số nữ tu đã về tham dự được tăng lên rất nhiều, có lần đã tới 150 chị em.

Cũng trong thời gian hậu Hiến chương, Nhóm Nghiên cứu đã sưu tầm thêm 5 bút tích của Đức cha Lambert de la Motte, nhưng mới phiên dịch và xuất bản 2 lá thư quan trọng. Tài liệu quý giá đã phản ánh những nét sâu sắc trong kinh nghiệm thiêng liêng của vị sáng lập Dòng Mến Thánh Giá.

Ngoài ra, Nhóm Nghiên cứu còn xuất bản "*Sách Nghi Thức Dòng Mến Thánh Giá*" và "*Bản Cắt Nghĩa Các Điều Linh Đạo*" (1993).

Đi xa hơn nữa, nhóm soạn ra bản thảo Điều lệ Hợp tác viên Dòng Mến Thánh Giá, nói nôm na, tức là một thứ Dòng Mến Thánh Giá đã thành lập thời Đức cha Lambert. Đó là những chị không được huấn luyện đầy đủ theo chương trình chị em nữ tu Mến Thánh Giá, nhưng vẫn nhiệt thành, yêu mến linh đạo Mến Thánh Giá, và sẵn sàng trở thành hợp tác viên, sống trong tu viện hay là sống giữa đời trần gian, nhưng vẫn liên lạc thường xuyên với lý tưởng của tu viện.

Ước nguyện sau cùng của Nhóm Nghiên cứu là, với thời gian, nhóm sẽ có thể phổ biến công khai cuốn "*Lịch Sử Dòng Mến Thánh Giá*". Cuốn sách lịch sử này sẽ nói về Dòng Mến Thánh Giá là một tổ chức đã bén rễ từ hơn 3 thế kỷ trong lòng dân Việt Nam và suốt trong mấy thế kỷ luôn luôn sống với Giáo hội qua mọi thăng trầm, cảm nghiệm mọi khó khăn thử thách, và theo lịch sử người ta tính đã có 272 nữ tu Mến Thánh Giá đã bỏ mình vì trung thành với Chúa, với Giáo hội Việt Nam ngay từ ban đầu, qua những cuộc bách hại đẫm máu.

Thành công trong công cuộc trở về nguồn là Dòng Mến Thánh Giá đã đạt tới một thành quả lớn lao, đã được đặc ân của Thiên Chúa. Chúa dùng thời gian khó khăn, đau khổ để xe kết lại cả một số đông năm sáu ngàn trinh nữ rải rác trên 25 giáo phận Việt Nam, nghĩa là trên khắp cả giang sơn

đất nước. Tất cả đang trong tuổi ham sống, ham học, ham hoạt động tiến bước về tương lai. Năm sáu ngàn nữ tu Mến Thánh Giá, theo tiếng nói quân đội, có nghĩa là hai trung đoàn quân binh, hằng say thay thế một phần nào cho sự thiếu hụt số các linh mục trong các giáo phận. Các nữ tu Mến Thánh Giá xung vào hàng ngũ các tu sĩ, tham gia việc dạy giáo lý hay là đem Mình Thánh Chúa cho các bệnh nhân, như đã được ghi nhớ trong cuộc bách hại tôn giáo ngày xưa. Chúng tôi cảm phục công ơn, sự sáng suốt của các Giám mục Việt Nam, nhất là của Đức cố Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, Tổng giám mục Tổng Giáo phận Sài Gòn.

7. Nhóm nữ tu Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp di tản sang Hoa Kỳ

Lúc ban đầu, khi mới di cư vào Nam năm 1954, chị em Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm nghĩ rằng sẽ ở lại đây và như hạt giống gieo xuống đất, sẽ thối đi và sẽ nảy nở thêm ra. Dù ở lại miền Nam, nhưng còn là giang sơn đất nước, hy vọng một ngày nào đó trong tương lai Bắc – Nam xum họp, rồi sẽ kết lại thành một gia đình rộng rãi, một hội dòng lớn mạnh.

Nhưng thời cuộc biến chuyển mau lẹ, biến cố ngày 30-4-1975 xảy đến như một cơn vũ bão khủng khiếp. Số mệnh con người, nhất là quyền tự do tín ngưỡng hồi đó, ai cũng tin rằng, sẽ không còn được bảo đảm... Do đó, làn sóng di cư vĩ đại lần thứ hai lôi cuốn hàng trăm ngàn người bỏ nước ra đi. Những người được tới trời mới đất mới cũng nhiều, nhưng số nạn nhân bị chôn vùi dưới làn sóng biển thật bất hạnh cũng tới 6-7 trăm ngàn người.

Ngay khi biến cố 30-4-1975 xảy ra, số chị em thuộc Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm Gò Vấp ra đi không có bao nhiêu. Vòn vẹn chỉ có 28 chị em, chia thành 4 nhóm khác nhau: Nhóm Bạch Đằng (8 chị), nhóm Phước Tinh (6 chị), nhóm Nam Bình (5 chị), nhóm Rạch Giá (4 chị) và cộng thêm mấy chị em khác đi riêng với gia đình và sau đó mới nhập với các cộng đoàn chị em khác trong các trại tị nạn. May mắn là các nhóm chị em này vừa đặt chân lên đất Hoa Kỳ, đã được các linh mục sinh viên Việt Nam thuộc Giáo phận Phát Diệm đang du học tại đây giúp đỡ và giới thiệu (33). Do đó, các chị em được các cha Dòng Vinh Sơn đón về tập trung trong 2 cơ sở của tỉnh dòng tại Pennsylvania, hòng lấy lại tinh thần tập thể, tổ chức lại hàng ngũ bên trong và bắt đầu học Anh ngữ. Sống những ngày tha hương đầu tiên, hơn nữa, ý thức “vạn sự khởi đầu nan”, hầu như phải nhờ vả tất cả nơi tình thương và sự thông cảm của người khác, nên chị em cố gắng tối đa, một đảng bảo toàn tinh thần dòng tu của mình, một đảng khép mình trong mọi hy sinh thiếu thốn lúc ban đầu. Chị em Mến Thánh Giá di cư cố vươn lên trong mọi lãnh vực: vật chất, văn hoá, xã hội và thiêng liêng...

Chính những cố gắng vươn lên này đã được Chúa chúc lành, được các đấng bản quyền địa phương nhận thấy và thông cảm. Ngay từ năm 1976, các chị em đã được nhiều giám mục, linh mục Hoa Kỳ (34) và Việt Nam đón tiếp nồng hậu. Rồi dần dần, từ những nơi tạm trú đầu tiên, như Chung viện Mary Immaculate tại Northampton (14-02-1976) và Chung viện Saint Vincent tại Philadelphia (19-7-1976), là hai địa điểm, các chị em Mến Thánh Giá Phát Diệm đã dừng chân một thời gian để chuẩn bị việc sáp nhập xã hội Hoa Kỳ. Công việc thành tựu, mùa Hè 1984, các chị bỏ Chung viện Philadelphia và mùa Hè 1989, bỏ Chung viện Northampton, di chuyển về Giáo phận Orange (California) để phục vụ số người tị nạn Việt Nam mới tới, theo lời mời của Đức cha William R. Johnson, Giám mục Giáo phận Orange. Các vị giám mục Hoa Kỳ khác, được báo cáo về công việc và đời sống của chị em Mến Thánh Giá, cũng đồng ý cho hội dòng phát triển, bằng cách mời đến và trao những công tác xã hội. Tháng Giêng 1979, tu viện đầu tiên được thiết lập tại

California, tại số nhà 18952, Irvin Lane, Tustin. Hoạt động chính của tu viện tại Tustin là dạy giáo lý trong các cộng đoàn di cư Việt Nam. Các lớp giáo lý được tổ chức quy củ, khoa học, rồi được từng trăm cộng sự viên giáo dân tham gia cộng tác: thành ra là một mãnh lực hùng mạnh. Nguyên trong hai đợt lãnh nhận Bí Tích Thánh Tẩy 1998-1999, người ta tính tới con số 1800 anh chị em tân tòng (35). Người Công giáo ý thức vai trò giáo dân của mình phải tham gia vào sự nghiệp truyền giáo chung của Giáo hội, theo đúng nguyện vọng của Công Đồng Vatican II.

Tháng 9-1979, một nhóm chị em Mến Thánh Giá đi San Jose, California, phục vụ số thuyền nhân mới đến định cư. Năm 1983, một nhóm đi giúp việc trong chủng viện Tổng Giáo phận New Orleans thuộc quyền Đức Tổng Giám mục Philip M. Hannan. Trong hai năm 1983-1985, các chị được gọi lên New York làm việc cho người tị nạn tại Hội Văn hoá Việt Mỹ. Năm 1984, chị em đi mở nhà hưu dưỡng tại Florida; đồng thời mở tập viện tại Pensacola. Năm 1985, các chị được kêu gọi đi phục vụ số người vô gia cư tại 2 trung tâm Good Shepherd ở Los Angeles... Chúng ta thấy hạt giống tốt được gieo vào lòng đất tốt đã trở bông tươi thắm đúng thời gian, do đó, tuy mới bén rễ, nhưng đã được bứng đi đặt vào nhiều địa điểm khác nhau, vì nhu cầu làn sóng tị nạn hồi đó đòi hỏi. Tất cả nhân lực và tài lực đã gần khô cạn, nên chị em buộc lòng tạm thời từ giã một số cơ sở tông đồ mà chị em đã chia nhau phục vụ trong vòng 17 năm trời.

Sở dĩ có sự kiện tạm thời ngưng một số cơ sở hoạt động tông đồ vì 3 lí do sau đây:

Sau một thời di cư sang Hoa Kỳ, hội dòng đã được Toà Thánh chấp thuận Hiến pháp và cho phép sinh hoạt hợp pháp hoàn toàn như khi còn ở Việt Nam. Bộ Truyền Giáo liên tiếp 3 lần, 1976, 1979 và 1985, đã công nhận Hội Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm tại Hoa Kỳ được tổ chức theo đúng Giáo luật. Và vì Dòng Mến Thánh Giá là dòng thuộc quyền giáo phận địa phương, nên Toà Thánh cũng chấp nhận Hội Dòng Mến Thánh Giá bên Mỹ thuộc quyền của các giám mục địa phương.

Cũng trong thời gian trên, sự liên lạc với nhà mẹ Việt Nam rất khó khăn và mất nhiều thời giờ chờ đợi, đang khi công việc ở ngoại quốc tiến triển liên tục cần có sự ưng thuận mau chóng của giáo quyền (Giám mục và Nhà mẹ) bên mẫu quốc, do đó, đã đến lúc cộng đoàn chị em di cư hải ngoại nghĩ đến việc tách rời ra khỏi nhà mẹ Việt Nam. Đây không phải là một cuộc ly khai, muốn bỏ nguồn gốc quê hương, nhưng là nhu cầu cấp bách, nhằm sự tiến triển mau lẹ của một thân cây mới trồng trên đất ngoại quốc. Đó cũng là một mạo hiểm: một bên cần sự mạnh dạn thông cảm từ nhà mẹ Gò Vấp, một bên cần một lương tri kiên trì, muốn vươn lên trong kỷ luật, thống nhất và bác ái. Vì vậy, đã có sự thương thuyết lâu dài, theo tinh thần tương thân tương ái giữa hai cộng đoàn Gò Vấp và Hoa Kỳ. Đã có sự báo cáo, bàn hỏi, ưng thuận giữa hai hàng giám mục Việt Nam và giám mục Mỹ Quốc. Sau cùng, đã có cả sự châu phê tối cao của Toà Thánh, nghĩa là có sự chúc lành của Thiên Chúa. Hai Hội Dòng ngày nay chia đôi làm hai cộng đoàn biệt lập: Gò Vấp (Giáo phận Sài Gòn) và Los Angeles (Hoa Kỳ). Giữa hai cộng đoàn có một sợi dây liên lạc vững bền bên trong, bởi vì cộng đoàn Los Angeles tự mình đã xin nhập vào Tổng Hội Dòng Mến Thánh Giá Việt Nam, nghĩa là chấp nhận và tuân giữ Hiến chương mới đã được giáo quyền Việt Nam ưng thuận và 23 Hội Dòng Mến Thánh Giá Việt Nam cũng đã chấp nhận và thi hành. Los Angeles tự mình xếp vào hàng thứ 24 trên danh sách các Hội Dòng Mến Thánh Giá Việt Nam hiện hữu, tính từ Hội Dòng Mến Thánh Giá đầu tiên (Kiên Lao, Bùi Chu, thành lập năm 1670). (36)

Đức Hồng y Roger Mahony, Tổng Giám mục Giáo phận Los Angeles, đã chứng kiến thành quả lớn lao và hữu hiệu của các chị em Dòng Mến Thánh Giá trong công cuộc dạy giáo lý trong Tổng Giáo phận Los Angeles. Công cuộc dạy giáo lý này được tổ chức chu đáo, khoa học, song ngữ (Việt-Mỹ) cho các em từ 7 tuổi đến 14 tuổi, gồm 7 lớp giáo lý xung tội, rước lễ lần đầu; hai lớp thêm sức do 10 nữ tu điều hành trong 12 cộng đoàn Việt Nam, cùng với sự cộng tác của 12 đệ tử sinh và 297 giáo lý viên giáo dân, theo chương trình công cộng và tiêu chuẩn của toà giám mục địa phương (3 tiêu chuẩn: kiến thức về giáo lý, khả năng trình bày và đạo đức cá nhân). Do đó, kết quả hằng năm đạt tới mức tối đa: từng trăm, từng ngàn trẻ em chịu Phép Thánh tẩy, Xung tội Rước lễ lần đầu và Thêm sức. Đức Hồng y Mahony kêu gọi chị em Mến Thánh Giá Phát Diệm từ khắp nơi tập trung về cả Los Angeles, nơi ngài ủng hộ tinh thần (đôi khi cả vật chất) để dốc toàn lực và khả năng hoạt động. Ngoài ra, chị em cũng nhận thấy: tập trung toàn lực sẽ gây sức mạnh, giữ được mức độ đồng nhất cho toàn thể và trong tương lai, tương trợ nhau khi cần kíp về lâu về dài.

VI. ĐẠI CHUNG VIỆN THÁNH GIUSE TẠI THƯỢNG KIỆM

1. Thành lập

Trong bài tường trình gửi Hội Truyền giáo Ba lê, Đức Giám mục Alexandre Marcou Thành viết: *“Biển cố quan trọng nhất trong năm qua tức là ngày khai mạc Trường Thần Học. Đã từ mười năm, các đại chủng sinh chúng tôi phải gửi ở Trường Thần Học Địa Phận Tây Đàng Ngoài (Hà Nội). Lễ cố nhiên, chỉ có thể gửi được một số hạn chế. Do đó việc xây cất một tân đại chủng viện là một nhu cầu khẩn thiết, để cho một số đông có thể theo học, và như thế bảo đảm việc phát triển số linh mục bản xứ. Việc xây cất này đã mất 8 năm. Nhờ ơn Chúa, nhờ lòng hảo tâm của giáo dân và của một số bạn hữu bên Pháp, công việc đã thành tựu và tháng 8 năm qua, Trường Thần Học đã khai giảng với 26 sinh viên”* (37).

Thực ra, trong 10 năm, giáo phận gửi các chủng sinh ra học ở Đại Chung viện Kẻ Sở (Hà Nội), được tất cả 39 linh mục. Dù sao, vị Giám mục cai quản Phát Diệm thời đó đã lưu tâm đến vấn đề phải có một trường Thần học tại chỗ. Ngày 11-10-1904, ngài công bố bức thư luân lưu, yêu cầu các họ đạo và những giáo dân có khả năng góp phần ủng hộ vào công cuộc này (38). Ngài cho mua một khu 4 mẫu ruộng ở làng Thượng Kiệt, bên Đông giáp sông Trì Chính, mạn Tây giáp đê làng Phú Vinh, phía Nam là họ Thượng Kiệt (39). Vì là một khu ruộng sâu, nên công trình vượt lập, trị móng, đổ nền nhà... rất tốn kém, công phu (40). Linh mục Pilon (cố Long) khởi sự xây cất (1908-1912). Tháng 6-1912, Đức Giám mục A. Marcou viết: *“Đã 8 năm nay gửi thư khuyên công đức... Nay ơn Đức Chúa Trời thương đã xong các việc, còn độ một tháng nữa sẽ làm phép nhà và sẽ khai giảng”* (41). Lễ khánh thành được tổ chức long trọng ngày 20-6-1912, đặt dưới quyền chủ tọa của Đức Giám mục P. Gendreau (Đông), cai quản Giáo phận Hà Nội. Đại Chung viện Thánh Giuse ở vào giữa cánh đồng, bên bờ sông, không có gia đình nào chung quanh, do đó, vẫn thanh quang mát mẻ; đàng khác, là địa thế tĩnh mịch, yên lặng, thật lý tưởng cho việc đào luyện tinh thần và siêu nhiên cho các thầy đang chuẩn bị lãnh nhận chức vụ linh mục.

Lớp 26 sinh viên đầu tiên ở Đại Chung viện Phát Diệm gồm một số từ Trường Thần học Kẻ Sở gọi về, một số khác đã được huấn luyện tại chỗ, như thế mở đường tiến cho các thế hệ tương lai. Theo tập Kỷ yếu của nhà trường, niên khoá 1912 đã tiến triển đẹp đẽ. Ngày 03-01-1913, Đức Giám mục Bigolet truyền chức cho 2 linh mục đầu tiên tại địa phận nhà, tức là 2 tân Linh mục Quang và Cường. Cha Louis de Cooman (cố Hành), Giám mục tương lai Giáo phận Thanh Hoá, hồi đó đang

là giám đốc Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc, kiêm giáo sư lớp Nhất, được bổ nhiệm về làm giám đốc Đại Chủng viện Thánh Giuse, Thượng Kiệm, kiêm giáo sư Thần học Tín lý và Thánh kinh. Đức cha A. Marcou cũng bổ nhiệm Linh mục Poncet (cố Thảo), hồi đó làm chính xứ Phong Ý (Lào) về làm giáo sư Thần học Luân lý và Phụng vụ. Cách 2 năm sau (1914) mới mở ban Triết học, đầu tiên trao cho cố Pháp (Delmas); về sau, 2 Linh mục Đinh Ngọc San (cựu sinh viên Trường Truyền Giáo Roma) và Phạm Kim Xuyên tiếp tục điều khiển.

2. Thành quả đào tạo

Đi vào chi tiết, chúng tôi ghi nhận thêm rằng: trong vòng 40 năm, từ ngày được sáng lập (1912) cho tới tháng 6-1952, năm mà các đại chủng sinh, vì thời cuộc, đã phải bỏ Phát Diệm lên học ở Đại Chủng viện Xuân Bích Hà Nội và sau đó, di tản vào Nam Việt Nam năm 1954, đã có tất cả 242 linh mục (222 của Phát Diệm và 20 của Hưng Hoá và Thanh Hoá) xuất thân từ Trường Thần học Phát Diệm, nghĩa là trung bình mỗi năm đào tạo được 6 linh mục. Sự kiện này nói lên công nghiệp của Đức Giám mục A. Marcou đã đóng góp phần khá lớn trong việc bảo toàn sức sống của giáo phận. Các niên hiệu tấn phong linh mục đã được ghi chép như sau:

1/ Các linh mục được phong chức do các giám mục thừa sai

Đức Giám mục Louis Bigolet: ngày 03-01-1913, phong chức 2 linh mục.

Đức Giám mục Pierre Gendreau: ngày 28-5-1914, ngày 08-12-1914 và ngày 03-6-1915, phong chức 3 linh mục.

Đức Giám mục Albert de Cooman: từ lần thứ nhất (18-5-1918) cho tới lần sau cùng (20-9-1930), phong chức 12 lần cho 24 linh mục.

Đức Giám mục Alexandre Jean Pierre Marcou: từ lần đầu tiên (02-6-1913) cho tới lần sau cùng (21-9-1935): phong chức 29 lần cho 92 linh mục.

Tổng cộng 121 linh mục.

2/ Các linh mục được phong chức do các giám mục Việt Nam

Đức Giám mục Nguyễn Bá Tông: từ lần thứ nhất (17-3-1934) cho tới lần sau cùng (13-10-1945), phong chức cho 55 linh mục.

Đức Giám mục Phan Đình Phùng: từ lần thứ nhất (25-10-1941) tới lần sau cùng (25-3-1944), phong chức cho 9 linh mục.

Đức Giám mục Lê Hữu Từ: từ lần thứ nhất (06-4-1946) cho tới lần sau cùng (26-5-1951), phong chức cho 56 linh mục.

Đức Giám mục Phạm Ngọc Chi: Ngày 21-10-1951, phong chức cho 1 linh mục.

Tổng cộng 121 linh mục.

3. Các vị giám đốc (42)

1/ Đức cha Hành (De Cooman, 1912-1919): Nguyên ý Đức cha Thành là muốn cha chính Dụ (Jean Pierre Doumecq) làm giám đốc đầu tiên, nhưng vì cha chính phải về Pháp dưỡng bệnh, "*Từ cổ trở xuống là người rất khỏe, nhưng từ cổ trở lên thì đau nặng*". Cha bị váng óc, đau đầu. Do đó, Cố Hành, từ 1905, đã từng truyền giáo tại Châu Lào, đã được bổ nhiệm về làm giáo sư Tu từ và quyền giám đốc Chủng viện Phúc Nhạc, làm giám đốc Trường Thử, nay phải nhận làm giám đốc Đại

Chủng viện Thượng Kiệm. Được một năm, tới tháng 6-1913, cha lại được tôn phong làm cha chính Giáo phận. Ngày 06-01-1918, Cố Hành được phong giám mục, nhưng còn lưu lại Thượng Kiệm một năm nữa, trước khi dọn sang Toà Giám mục. Là một vị thừa sai bẩm tính đơn sơ, tốt lành, nên cố Hành rất được các môn sinh mến phục và trọng kính.

2/ Cha chính Thảo (Constant Poncet, 1919-1932): Đã nhiều năm kinh nghiệm mục vụ tại Phong Ý (Châu Lào) nước độc, ngài đau yếu phải về Pháp dưỡng bệnh một năm. Khi trở lại Việt Nam, ngài xin thêm số giáo sư cho niên học 1925-1926: Cố Vạn (Colombert) dạy Thần học Luân lý, cố Nhạc (Joseph Reminiac) dạy Tín lý.

Vì có lòng đạo đức nổi bật, lại cẩn thận chắc chắn, cho nên trong thời làm giám đốc, cha chính Thảo tổ chức phong trào châu Thánh Thể, quen gọi “làm giờ thánh”, để cho các linh mục tương lai ý thức việc châu Thánh Thể là một bổn phận quan trọng trong đời mục vụ, và là yếu tố bí mật cho việc tông đồ kết quả tốt đẹp. Rồi khi từ Pháp trở lại Phát Diệm, Ngài nói nhiều về sự tôn sùng thánh nữ Têrêxa Hài Đồng Giêsu mới được phong thánh năm 1925, và rất lưu ý đến Dòng Kín tại Thanh Hoá. Người ta kể: vào những năm 1929-1930, cứ chiều thứ Ba trong tuần, Ngài dùng xe đạp từ Phát Diệm vào Thanh Hoá, đốc xuất công cuộc xây dựng Dòng Kín Thanh Hoá, rồi trưa thứ Tư lại đạp xe trở về Thượng Kiệm! Đời Ngài làm giám đốc, cha chính Thảo còn cho xây thêm cái bể nước trước nhà và thêm hoa. Ngày 07-3-1928, mở ban Triết lý năm I, tức là lớp khởi sự có các cha già Thu I, cha già Tiểu. Qua niên học năm sau, mở thêm Triết lý II, tức là lớp các cha già Đức, Lâm, Ngạn, cha Bè trên Hải, nhưng vẫn học một năm; qua niên học 1923-1924, mới bắt đầu học hai năm.

Năm 1926, tổ chức mấy lần tập dượt tranh luận giữa các sinh viên về vấn đề giáo lý bằng La ngữ; và từ năm 1928, tổ chức các cuộc tranh luận về Triết lý.

Những biến cố đặc biệt: Năm 1922, có cuộc viếng thăm của Đức Khâm sứ Lecroat. Đức Khâm sứ mang theo cha thư ký rất giỏi thuộc Hội Thừa Sai Ba Lê, từ bên Trung Hoa sang kinh lý Đông Dương. Rồi năm 1927, Đức Khâm sứ đầu tiên Aiuti, đại diện Toà Thánh tại Việt Nam, tới nhận nhiệm sở (43). Hai vị khâm sứ đem theo chỉ thị Toà Thánh, thúc đẩy sự thăng tiến hàng giáo sĩ bản quốc. Năm 1928, Đại Hội Thánh Thể Phát Diệm lần thứ nhất tại Bắc Việt đã là những dịp may mắn khích lệ lòng hăng say hiếu học của các sinh viên Đại Chủng viện Giáo phận nhà.

3/ Cố Tràng Tuấn (Paul Schlotterbek, 1932-1936):

Là vị giám đốc thừa sai sau cùng, nhưng đã có một quá trình phục vụ hết sức đặc biệt. Từ năm 1889, cố Tuấn đã làm bí thư Đức cố Giám mục Đông (Gendreau), làm phụ tá Đức cha Lộc (Raymond) Hưng Hoá, dạy lớp Tu từ tại Chủng viện Hoàng Nguyên hai năm. Sau khi tách Phát Diệm ra khỏi Hà Nội, cố Tuấn làm quản hạt miền Đồng Chư, giám đốc Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc (lần thứ nhất 7 năm), quản lý giáo phận (8 năm), giám đốc Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc (lần thứ hai 11 năm), huấn đức kiêm giáo sư Tín lý (5 năm). Sau cùng, cố làm giám đốc Đại Chủng viện (4 năm). (44)

Liên hệ giữa các linh mục Thừa Sai Ba Lê với hàng giáo sĩ Việt Nam rất đẹp đẽ sâu đậm, vì được xây đắp trên lòng bác ái huynh đệ sâu xa.

Năm 1930, Đại Chủng viện Phát Diệm còn là nơi trú chân trong vòng hai năm cho hai linh mục Hội Xuân Bích, đó là hai cha Palliard và Uzureau mới đặt chân đến Việt Nam. Sự hiện diện của hai giáo sư thời danh người Pháp này đã đem lại một vài mới mẻ trong chương trình học vấn. Hai vị giáo sư mua cho Đại Chủng viện một sách giáo khoa về “*Lịch Sử Giáo hội*” bằng Pháp ngữ, và cuốn Thánh Kinh Nhập Môn của tác giả Cheminant cũng bằng Pháp ngữ. Lễ cố nhiên trong chương trình học vấn của Đại Chủng viện cũng mở thêm hai ghế giáo sư về 2 môn Giáo sử và Thánh kinh.

4/ Đức cha Gioan Maria Phan Đình Phùng (1936-1942):

Trước kia, ngài làm giáo sư kiêm giám thị Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc; sau năm 1932, được bổ nhiệm làm giáo sư Thần học Tín lý, kiêm Huấn đức tại Đại Chủng viện Thượng Kiem (1932-1936). Đầu năm 1936, ngài được thăng chức cha chính (tổng quản) giáo phận. Trong thời gian ngài làm giám đốc có vượt thêm hai sào phía Tây chủng viện, để làm sở quản lý. Về sau, Cha chính Phùng còn phải nhận thêm hai chức vụ mới: chánh án toà án địa phận và bề trên Dòng Mến Thánh Giá.

Ngày 03-12-1940, ngài được bổ nhiệm làm giám mục với quyền kế vị Giáo phận Phát Diệm, nhưng vẫn lưu lại Trường Thần Học trong niên khoá 1941-1942, rồi mới sang toà giám mục. Nhưng không may, chỉ ít năm sau, Ngài qua đời đột ngột ngày 25-5-1944.

5/ Cha Giuse Vũ Văn Hải (kỳ nhất 1942-1946)

Cha bề trên Vũ Văn Hải làm giáo sư, giám thị và huấn đức tại Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc trong những năm 1928-1935; làm quản lý Giáo phận từ 1935 tới 1942; rồi về làm giám đốc Chủng viện thay thế Đức Giám mục Phan Đình Phùng.

Về công tác xây cất, cha Bề trên Hải đã mở rộng chỗ phía Đông, đào ao áp sông Trì Chính, như thế thêm được 4 sào, để di nhà khách vào thẳng cửa với Đại Chủng viện. Cha chính đón lại nhà thầy quản lý và xây nhà mới cho những người giúp việc ở, tức là chỗ tô giới các thầy Dòng Châu Sơn (Nho Quan) xuống trọ học Đại Chủng viện. Nhà nghỉ mát ở Kim Đài 2 tầng lầu, tuy xây dựng đời Đức cha Phan Đình Phùng, nhưng người thực hiện công trình là cha Bề trên Hải khi ngài còn là quản lý Nhà chung. Cũng trong thời gian này, cha Giuse Vũ Văn Hải còn được Đức Giám mục trao quyền bề trên Dòng Mến Thánh Giá Lưu Phương.

6/ Đức cha Phêrô Phạm Ngọc Chi (1946-1959):

Kế nhiệm Cha Bề trên Hải là cha Bề trên Phêrô Phạm Ngọc Chi. Cha là cựu sinh viên Trường Truyền Giáo Roma và Đại học Công giáo Ba Lê, đã về nước từ năm 1937, và đã làm giáo sư Thần học Tín lý và Thánh kinh Đại Chủng viện hơn 10 năm trời. Cha Bề Trên Chi giỏi cả về tổ chức lẫn ngoại giao với thế giới bên ngoài. Ngài cho vượt hẳn 1 mẫu thổ về phía Tây Bắc làm trại nuôi gia súc và nhà ở cho các người giúp việc. Trong Chủng viện, ngài sửa sang, đổi mới bàn ghế, phòng học thêm tiện nghi đẹp đẽ. Ngài còn trừ liệu vượt khu đất mới, ngoài chợ Nam Dân, để trong tương lai, sẽ di chuyển đại chủng viện từ Thượng Kiem sang một địa điểm khang trang hơn, mát mẻ hơn và như thế hy vọng vấn đề học thức sẽ được tổ chức hoàn hảo, tiến bộ hơn. Cần phải nói là, năm 1950, sau khi về nhận quyền giám mục Bùi Chu, hai Giám mục Lê Hữu Từ (Phát Diệm) và Phạm Ngọc Chi (Bùi Chu) đã đồng ý cho xuất ngoại du học Âu Châu, số 50 linh mục và nam nữ tu sĩ của hai giáo phận.

7/ Cha Giuse Vũ Văn Hải, kỳ hai 1950-1954:

Sau khi Đức cha Phạm Ngọc Chi đã sang làm Giám mục Bùi Chu, cha Bê trên Vũ Văn Hải về nhận chức giám đốc lần thứ hai. Thời kỳ nhận chức giám đốc lần I, cha đã nhận cả một số sinh viên Giáo phận Hưng Hoá gửi học, lần này, cha lại nhận thêm một số sinh viên Giáo phận Thanh Hoá. Vì công việc thêm bận bịu, cho nên Đức cha Lê Hữu Từ bổ nhiệm cha Phạm Quang Hàm, bí thư của ngài, về kiêm phó giám đốc. Ban giáo sư cũng được tăng cường: các cha Bùi Chu Tạo dạy Huấn đức; Nguyễn Quang Nhung dạy Phụng vụ; Đặng Xuân Tùng dạy Tín lý và Trần Ngọc Thụ dạy Xã Hội học và Công giáo Tiến hành.

4. Trang sử vàng của Đại Chủng Viện Phát Diệm

Phải công nhận Đại Chủng viện Phát Diệm là một công trình lớn lao của Đức cố Giám mục A. Marcou (Thành). Ngài đã có sáng kiến ngay từ lúc ban đầu, khi mới thành lập Địa phận Thanh (cũng là Phát Diệm). Đức Giám mục Thành đã đưa về chủng viện những nhân vật, những giáo sư ưu tú, để vun trồng chủng viện lớn lên một cách bền bỉ, vững chắc. Qua bao thăng trầm, khó khăn liên tục của thời cuộc, nhưng với sức cố gắng vượt mức, nhất là nhờ lời cầu nguyện khiêm tốn, với sự hy sinh của toàn giáo phận (giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân tôn sùng lần hạt Đức Mẹ Mân Côi, sốt sáng tôn thờ Phép Thánh Thể các đêm thứ Năm sang ngày thứ Sáu trong tuần...), Chúa đã cho mọc lên trong lòng giáo phận hai chủng viện: Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc và Đại Chủng viện Thượng Kiệm.

Từ Đại Chủng Viện Phát Diệm:

1/ Các linh mục du học Penang:

Cha chính Luca Mai Học Lý

Cha Giuse Ngô Công Hiến

Cha Phêrô Vũ Hữu Cúc

Cha Gioan Phan Đình Phùng

2/ Các linh mục tài đức, được Toà Thánh nâng lên hàng giáo phẩm:

Đức Hồng y Phaolô Phạm Đình Tụng, Giám mục Bắc Ninh, 1963; Tổng Giám mục Hà Nội, 1994

Đức cha Gioan Maria Phan Đình Phùng, Giám mục Phát Diệm 1940-1944

Đức cha Phêrô Phạm Ngọc Chi, Giám mục Bùi Chu, Quy Nhơn, Đà Nẵng, 1950-1988

Đức cha Phêrô Phạm Tân, Giám mục Thanh Hoá, 1959-1990

Đức cha Vinh Sơn Phạm Văn Dụ, Giám mục Lạng Sơn, 1960-1988

Đức cha Phaolô Bùi Chu Tạo, Giám mục Phát Diệm, 1959-2001

Đức cha Giuse Lê Quý Thanh, Giám mục phó Phát Diệm, 1964-1974

Đức cha Giuse Nguyễn Thiện Khuyến, Giám mục phó Phát Diệm, 1977-1981

Đức cha Phaolô Nguyễn Minh Nhật, Giám mục Xuân Lộc, 1975

Đức cha Giuse Nguyễn Phụng Hiểu, Giám mục Hưng Hoá, 1991-1992

VII. TRƯỜNG TRẦN LỤC

Như chúng ta đã biết, ngoài sứ mạng là một mục tử, cha Trần Lục còn là một người đa tài. Cha giỏi về đối ngoại, giỏi khẩn hoang lập ấp, giỏi kiến trúc và giỏi cả về văn thơ. Thật vậy, trong suốt 34 năm làm chính xứ Phát Diệm, cha đã chú trọng đến việc giáo dục giáo đoàn bằng cách sáng tác ra các bài ca về trường thiên, thường gọi là “*Ca Vè Cự Sáu*” bằng chữ Nôm và chữ Quốc ngữ, như: *Hiếu Tự Ca* (1088 câu), *Nữ Tắc Thường Lễ* (1016 câu)... Những ca vè này có sức phổ biến rộng rãi vì mang nội dung giáo dục thiết thực, còn hình thức thể về mộc mạc, dễ hiểu và dễ nhớ. Cho tới tận ngày nay, một số giáo dân Phát Diệm còn thuộc lòng nhiều câu “*Ca Vè Cự Sáu*”.

Một nhận xét chung là người Việt Nam có truyền thống trọng sự học. Riêng vùng Kim Sơn, tuy mới thành lập, nhưng hầu như làng nào cũng có trường học. (45)

Cha Trần Lục là người trông xa thấy rộng, đương nhiên, không thể không nghĩ tới sự học vấn cho con em dân chúng. Tiếc rằng, Chúa đã cất cha về sớm, cho nên chưa thực hiện được việc xây cất một học đường tương xứng.

Các nhân sĩ bô lão Phát Diệm còn nhớ Cự Lớn Khâm Trần Lục hồi đó quen biết và trọng dụng Tiến sĩ Nguyễn Tư Giản, quê Bắc Ninh, đỗ Tiến sĩ năm 27 tuổi, là người có khả năng khai trí cho dân Phát Diệm. Cha Trần Lục đã đưa Tiến sĩ Giản về trú tại nhà ông Nguyễn Gia, phía Tây ao hồ, để mở trường dạy học. Tại đây, ít người biết rõ Tiến sĩ Nguyễn Tư Giản đã có một quá khứ oanh liệt, người ta chỉ biết cụ đồ Giản ngồi gõ đầu một lũ trẻ mà thôi (46).

Khoảng đầu thế kỷ 20, nền học vấn Việt Nam dần dần thay đổi từ Nho học sang tân học. Khi Tiến sĩ Nguyễn Tư Giản qua đời năm 1890, cha Trần Lục đã xây cho Phát Diệm một nhà trường ngoài cổng đá lớn phía Đông, quay mặt về phía Nam (ao hồ) để dạy Quốc ngữ. Hai giáo viên đầu tiên là hai ông giáo Huệ và giáo Lợi; người địa phương thường gọi nôm na là Trường Cự Đình (tên Linh mục hiệu trưởng).

Năm 1901, Đức cha Marcou Thành về nhận giáo phận mới Phát Diệm, ngài cũng đã lưu tâm ngay tới học đường. Để phát triển công tác giáo dục, Đức Giám mục Marcou Thành đã lệnh cho các linh mục thời đó, chính cũng như phó xứ, phải đi thi, để có khả năng đảm nhận các trường học trong Giáo phận (47).

Chính Đức cha Marcou Thành đã dời Trường Cự Đình vào trong khuôn viên Thánh đường, nằm về phía Tây Nam, vừa dạy Việt ngữ vừa dạy Pháp văn, và được gọi là Trường Cổ Cẩn (tên linh mục thừa sai làm hiệu trưởng). Sau này, trường đổi tên là Trường Trần Lục. Sau năm 1933, Đức cha Nguyễn Bá Tông, Giám mục tiên khởi Việt Nam, đã mời các sư huynh La Salle về phụ trách nhà trường một thời gian và đã gặt hái thành công đáng kể.

Về phía nữ giới, Đức cha Marcou Thành cho mở trường trên đất bệnh viện các Chị Em Đức Mẹ Truyền Giáo tại Phu Vinh. Đời Đức cha Tông, một trường khác được mở bên Dòng Mến Thánh Giá Lưu Phương.

Từ năm 1950, các linh mục kế tiếp nhau làm hiệu trưởng Trường Trần Lục là: Linh mục Trần Văn Kiệm, Linh mục Mai Văn Diệu, Linh mục Trần Văn Chất và Linh mục Trần Phúc Long. Sau năm

1954, Trường Trần Lục di chuyển vào Nam, đồng thời với Trường Hồ Ngọc Cẩn (bên Bùi Chu), được ít lâu thì cả hai biến thành trường công lập.

VIII. ĐAN VIỆN CHÂU SƠN (48)

Đan Viện Châu Sơn thuộc địa hạt xứ Vô Hốt, xa phủ Nho Quan chừng ba cây số và xa tỉnh lỵ Ninh Bình chừng 45 cây số, diện tích 800 mẫu tây, dài 12 cây số và rộng 8 cây số. Trước kia, khu đất này là đồn điền của ông bà Lacombe, người Pháp.

Khi ông Lacombe qua đời, gia đình không còn khả năng tiếp tục khai thác, do đó, họ bán tiếng cho cố Delmas Pháp, chính xứ Ninh Bình và Toà Giám mục Hà Nội để xem có Nhà chung nào muốn mua để canh tác không.

Năm 1933, Đức Giám mục Nguyễn Bá Tông, Giám mục tiên khởi Việt Nam, trên đường từ Sài Gòn ra Bắc nhận giáo phận mới Phát Diệm, đã dừng chân xin vào yết kiến vua Bảo Đại tại Huế và thăm Giáo phận Huế anh em. Trong dịp này, Đức cha còn ghé thăm Dòng Phước Sơn. Trong thâm tâm, ngay từ năm đó, Đức cha Tông đã có ý muốn xây dựng cho giáo phận mới một nhà dòng kín của chị em Cộng đoàn Lisieux và một dòng nam. Đó là hai tu viện mà về sau ngài quen gọi là hai “cột thu lôi” đem ngày hằng cầu nguyện cho Giáo phận. Vì có ý định đó, cho nên chính Đức cha là người đã giới thiệu và dàn xếp việc mua đồn điền cả phê Lacombe để lập Đan Viện Châu Sơn Nho Quan.

Thế rồi, việc mua bán diễn ra và ngày 18-02-1936, cha Bề trên Nhà mẹ Phước Sơn, Bernard Mendihoire và cha quản lý Martinô Võ Hồng Khanh từ Huế ra Phát Diệm nhận quyền sở hữu đồn điền Lacombe, ở xã Phú Sơn, huyện Nho Quan, Ninh Bình và khởi sự việc lập thêm tu viện mới.

Ngày 02-7-1936, Công nghị Đan sĩ Phước Sơn bầu cha Anselmô Lê Hữu Từ làm bề trên và chọn các đan sĩ đi lập “Dòng con” Châu Sơn tại đồn điền Lacombe.

Ngày 18-9-1936, thánh lễ trọng thể khai sinh Cộng đoàn Châu Sơn Nho Quan. Cha Bề trên Tu viện và cộng đoàn ra mắt giáo quyền và chính quyền dân sự cùng tất cả đồng bào lương giáo địa phương.

Ngày 18-02-1939, lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng Thánh đường Đan viện Châu Sơn theo kiến trúc “gô-tích”.

Ngày 14-6-1945, cha Bề trên Anselmô Lê Hữu Từ được Toà Thánh bổ nhiệm làm giám mục Phát Diệm. Ngày 08-11-1945, Đức tân Giám mục Lê Hữu Từ xúc dầu cung hiến Thánh đường Đan viện Châu Sơn dâng kính Đức Mẹ Maria.

Ngày 08-12-1945, cha Marcô Nguyễn Quang Vinh được bầu làm tân Bề trên Cộng đoàn Châu Sơn.

Đời sống đan tu khắc khổ ở tại hai đặc điểm: sống cầu nguyện và lao động. Theo truyền thống, giờ đọc kinh bằng giờ làm việc. Từ lúc gà gáy lần thứ ba, đan sĩ được đánh thức, quỳ ngay bên tấm ván (giường ngủ), nhìn lên Thánh Giá, dâng tất cả những việc làm trong ngày đó, làm theo Thánh ý Chúa. Nghĩa là mới từ lúc tinh sương, đan sĩ khổ tu đã chìm đắm trong chủ đề nguyện ngắm đã được báo từ tối hôm trước.

Năm 1946, chiến tranh Việt-Pháp nổ ra và kéo dài tới 1954. Vùng Pháp chiếm gọi là “vùng tề”, vùng kháng chiến gọi là “vùng tự do”. Dòng Châu Sơn nằm trong “vùng tự do”. Đương nhiên, Đan viện Châu Sơn phải chịu chung hậu quả của chiến tranh: bị bom đạn, việc đi lại cũng như chuyện làm ăn sinh sống trở nên vô cùng khó khăn.

Ngày 15-9-1950, Đại hội toàn Dòng Xi-tô họp tại Casamari, Ý đại lợi, nâng Đan viện Châu Sơn Nho Quan thành đan viện tự trị.

Cũng trong năm 1950, để tiện việc học tập, Đan viện gửi các tu sĩ đi học ở Phát Diệm và Hà Nội.

Năm 1953, Đan viện bắt đầu phân tán và chia ly. Một số bị bắt ra đi không trở lại. Số đã được gửi đi học thì năm 1954, di tản vào Nam, lập ra đan viện mới tại Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (49). Một số ít ở lại Đan viện Châu Sơn Nho Quan cũng dần dần hao hụt mà không được tuyển sinh mới, còn sinh kế thì lâm cảnh kiệt quệ.

Vì cha Bề trên Marcô bị bắt đi từ 1953 không trở về (chết năm 1966), cho nên năm 1957, cha Philipphê Năng được bầu làm bề trên Đan viện (1957-1993) ...

Năm 1975, đất nước thống nhất, mọi sinh hoạt dần dần thay đổi.

Năm 1988, Đan viện bắt đầu được tuyển sinh nhỏ giọt và năm 1991, đã có thể gửi tu sĩ đi tu học ở Hà Nội hoặc vào học tại Đơn Dương.

Đan viện Châu Sơn Nho Quan cũng được tiếp đón Viện phụ Stêphanô Trần Ngọc Hoàng từ Đơn Dương ra thăm năm 1987, rồi Viện phụ Duy Ân Vương Đình Lâm từ Phước Sơn và Bề trên Berchmans Nguyễn Văn Thảo từ Châu Thủy cũng ra thăm.

Đến năm 1993, vì biết sức khỏe mình đã suy kiệt, cha Bề trên Philipphê Năng đã xin cho thầy Giuse Hà Tâm Sự được thụ phong linh mục để đảm nhận chức bề trên thay cho mình.

Ngày 13-11-1994, Tổng hội Chi Dòng Xi-tô Thánh Gia Việt Nam ủy thác cho Đan viện phụ Châu Sơn Đơn Dương, đại diện Tổng hội, giúp đỡ Cộng đoàn Châu Sơn Nho Quan thực hiện nếp sống đan tu và phát triển theo quy luật và hiến pháp của Hội Dòng. Cha Gioan Nguyễn Văn Thảo, từ Đan viện Châu Thủy Hàm Tân ra Nho Quan nhận quyền bề trên một thời gian, sau lại rút về Châu Thủy. Tại Nho Quan, vì thời cuộc, chỉ còn một số ít đan sĩ ở chăm sóc tu viện.

Sau nhiều năm gửi tu sĩ học tập và đào tạo tại Châu Sơn Đơn Dương và Nhà mẹ Phước Sơn, hiện nay, cộng đoàn Châu Sơn Nho Quan, Ninh Bình, đã có thêm nhân sự và mọi sinh hoạt đang dần dần được phục hồi. Hi vọng đã vươn lên.

IX. NHÀ PHÁT DIỆM TẠI ROMA (FOYER PHÁT DIỆM)

Nói đến “Nhà Phát Diệm” tại Roma, chúng tôi không thể không nói tới Linh mục Luca Trần Văn Huy, bào huynh của Đức ông Phanxicô Trần Văn Khả, hiện là Tham vụ trong Bộ Phụng Tự Tòa Thánh Roma.

Linh mục Trần Văn Huy là sinh viên đầu tiên, thời Đức giám mục Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông, được gửi đi du học tại Trường Truyền Giáo Roma vào năm 1936. Thầy Huy thụ phong linh mục tại Thủ đô Giáo hội, năm 1941.

Những năm đèn sách đã thành công mỹ mãn, nhưng vì Thế Chiến II đang bùng nổ khắp nơi, các sinh viên linh mục chưa có thể hồi hương làm việc. Vì nghĩ tới tương lai Giáo hội bên quê nhà Việt Nam, cho nên cha Trần Văn Huy đã dùng những kinh nghiệm thực tế thu thập được trong những năm du học để xây cất một sở quản lý tại Roma, cho Phát Diệm nói riêng và trong tương lai, có thể cho Giáo hội Việt Nam nói chung; nghĩa là tìm được một nơi riêng biệt và là của mình - hòng sau Thế Chiến - các vị giáo quyền Việt Nam, nếu qua lại Thủ đô Giáo hội, có chỗ dừng chân, không phiền phức tới ai, nhất là khi ở ngoại quốc.

Vạn sự khởi đầu nan. Linh mục Trần Văn Huy gặp phải hai điều kiện tiên quyết rất lớn: về pháp lý và tài chánh.

Về pháp lý

Khi một giáo phận muốn lập cơ sở tại Thủ đô Giáo hội, giáo quyền địa phương phải có sự đồng ý của Bộ liên hệ ở Trung ương tại Roma. Đang trong thời Thế Chiến hỗn loạn, làm sao có được đơn xin của giám mục địa phương? Ai sẽ đứng bảo trợ về tài sản, về pháp lý, ai đứng tên ký nhận quyền sở hữu? Giấy tờ mua bán xưa nay vẫn là chuyện phức tạp, kéo dài thời gian!

Cảm thấy thế yếu của mình, Linh mục Trần Văn Huy đành phải âm thầm làm việc, không trống không kèn. Cha Huy nghĩ: cứ làm, rồi nếu là việc Chúa chúc lành, thì thế nào cũng qua khỏi, theo châm ngôn của Tây phương “Aide-toi et le ciel t’ aidera!”

Về tài chánh

Ai đã ở Roma lâu đều biết rằng, cách đây 50 năm về trước, từ Điện Vatican ra tới Nhà mẹ Dòng Các Sư Huynh “La Salle” (đường Aurelia bây giờ), hồi đó còn là ruộng đất hoang vu, chưa có dân cư, chưa có nhà cửa. Ranh giới Roma từ trung tâm ra đến đền Đức Mẹ Nghỉ Ngơi (Madonna del Riposo) là hết.

Khi Linh mục Trần Văn Huy tìm được chủ đất, cha vội thương thuyết ngay. Ông chủ cho biết là đất của ông khô cằn, chưa ai muốn mua, và ông chỉ bán tượng trưng mỗi thước vuông là “một Lire” (1 Lire hồi đó bằng 100 Lire bây giờ). Vậy là coi như Chúa đã “cho không” cha Trần Văn Huy 3000 thước vuông đất (bởi vì chỉ phải trả 3000 Lire). Linh mục Trần Văn Huy có bạn hữu, có ân nhân, (có cả một người anh em đi giảng ở mấy nước Âu châu) gửi tiền về giúp. Từ Việt Nam, về sau lại có người gửi tặng cha Huy 6000 con tem mới tinh, để ngài đổi ra tiền chi tiêu.

Sau khi mua được đất đai rẻ tiền, cha Trần Văn Huy dựng một căn nhà nhỏ, tạm làm chỗ trú chân. Cha Huy còn sáng trí mời Đức Hồng y Fumasoni Biondi, Tổng trưởng Bộ Phúc Âm Hoá Các Dân Tộc, tới làm phép nhà cách long trọng, nhân dịp lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội năm 1948. Căn nhà này được đặt tên đầu tiên là “Nhà Thánh Giuse” (Casa di S. Giuseppe) để nhớ ơn ông thánh Giuse đã phù hộ cách hiệu nghiệm cho việc xây cất cơ sở sơ khởi của “Nhà Phát Diệm” ngày nay.

Về mặt pháp lý, nhà này thuộc chủ quyền Đức Giám mục Phát Diệm ngoài Bắc Việt. Năm 1980, khi sang Roma lần thứ nhất, Đức Giám mục Phaolô Bùi Chu Tạo đã có lời nguyện ước công khai trước Đức Hồng y Tổng Giám mục Hà Nội và các Giám mục Việt Nam năm ấy về “Ad limina” tại Roma rằng: “*Tuy là của Phát Diệm, con kính cần xin Đức Hồng y và các Đức cha Việt Nam,*

khi qua Lamã, quá bộ đến nghỉ tại đây. Tuy còn thiếu thốn lúc ban đầu, nhưng cha Giám đốc và chị em Dòng Mến Thánh Giá sẵn sàng và hân hạnh tự nguyện phục vụ”.

Vào các năm (1949-1950), Đức Giám mục Lê Hữu Từ, với tư cách chủ nhà, đã gửi các cha Antoine Luru, cha Nguyễn Văn Chất, cha Vũ Kim Điện thay nhau đến phục vụ tại đây. Hiện nay, sau khi cha Phêrô Vũ Kim Điện đã về châu Chóa, Đức cha Phát Diệm lại ủy thác cha Đôminicô Vũ Văn Thiện đến thay thế và đã xin Toà Thánh ân thưởng tước “Giám Chức Danh Dự Đức Giáo hoàng” cho cha Thiện, vì công nghiệp phục vụ đặc lực tại “Nhà Phát Diệm”. “Nhà Phát Diệm” từng cộng tác với “Công cuộc hành hương Roma” để đón nhận các du khách Công giáo kéo về Thủ đô Roma trong các dịp đại lễ quanh năm; đặc biệt là đã đón tiếp các đoàn hành hương người Việt trong năm 1988, nhân dịp đại lễ tuyên thánh cho 117 vị Chân Phúc Tử Đạo Việt Nam tại đền Thánh Phêrô, Vatican. Hiện nay “Nhà Phát Diệm” vẫn đang đón tiếp khách hành hương thập phương tới viếng thăm Thủ đô Giáo hội La Mã.

Chú thích:

- (1) Theo thứ tự thời gian thành lập.
 - (2) A. Olichon, *Le Père Six*, trang 131.
 - (3) Lm. Trần Công Hoán, *Tiểu sử Cha Sáu Trần Lục*, Sài Gòn, 1963, trang 28.
 - (4) A. Olichon, *Le Père Six*, trang 87-100, và Lm. Trần Công Hoán, *Tiểu sử cha Trần Lục*, trang 88-101.
 - (5) Như trên, trang 66-67.
 - (6) Như trên, trang 98.
 - (7) Như trên, trang 132-133.
 - (8) Lm. Mai Đức Thạc, *Tiểu sử Đức Cha Thành (Mgr. A. Marcou)*.
 - (9) Đức Cha Bùi Chu Tạo: Bài giảng lễ khai mạc Năm kỷ niệm 100 năm Nhà thờ Chánh toà Phát Diệm, trong Hoàng Xuân Việt, *Thắng cảnh Phát Diệm*, ấn hành bằng Roneo. Tp. Hồ Chí Minh, tháng 9, năm 1991, trang 163-164.
 - (10) Linh Mục Luca Sỹ, *Bản Tiểu Sử Đức Cha Bùi Chu Tạo*, trang 26-27.
 - (11) A. Olichon, *Le Père Six*, Paris, Bloud-Gay, trang 122.
 - (12) Hoàng Xuân Việt, *Thắng cảnh Phát Diệm*, trang 147.
 - (13) Quyết Định số 28 VH/QĐ, ngày 18-01-1988.
 - (14) Ngày 15-01-1946, lần đầu tiên Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Phát Diệm và đặt Đức cha Lê Hữu Từ làm cố vấn tối cao của Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.
- Về sau, các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Trần Duy Lương cũng đã về thăm Phát Diệm.

(15) A, Olichon, *Le Père Six*, trang 66-67.

(16) Thư Luân lưu, 15-8-1982.

(17) Câu chuyện của Đức Hồng y Etchegaray kể: Ngày 03-7-1989, Đức Hồng y Etchegaray tới thăm Phát Diệm và chủ lễ tại Phương đình. Khi về đến Roma, trong bữa ăn trưa, ngài thuật lại chuyến đi thăm Phát Diệm, trước mặt Đức Thánh Cha Gioan Phao lô II. “*Hôm con dâng lễ ở đó, giáo dân đông quá sức, lạ nhất một điều và là lần đầu tiên con trông thấy trong đời, là vì quá đông, hơn 100.000 người tuôn về, một số người liều mạng, lội xuống ao hồ mà xem lễ!*”

Nghe Đức Hồng y Etchegaray kể hơn 100 ngàn người về dự lễ, vì là con cái Phát Diệm hiện diện trong bữa ăn đó, chúng tôi ngạc nhiên và xin hỏi:

- *Thưa Đức Hồng y, làm sao có tới hơn 100.000 người? Con là con cái của Phát Diệm, con nghĩ rằng sau 1954, hơn 60.000 giáo dân, hơn 120 linh mục đã di cư vào Nam, làm sao mà còn hơn 100.000 giáo dân ngoài Bắc?*

- *Xin lỗi Cha, con số đông hơn 100.000 giáo dân Phát Diệm dự lễ hôm đó, là con số chính Đức Cha Tạo, giám mục địa phận đã cho tôi.*

- *Nếu thật là hơn 100.000 giáo dân dự lễ thì họ phải leo lên các cây chung quanh nhà thờ và phải ngồi trên các mái nhà xem lễ nữa!*

- *Đúng thế, trong khi chủ lễ, tôi thấy họ trèo lên cành cây và leo lên các mái Nhà chung quanh, lội xuống ao hồ mà dự lễ.*

Câu chuyện này minh chứng quyền phép Chúa làm, từ năm 1954 tới 1989, ngày Đức Hồng y đến thăm, nghĩa là 35 năm xa cách, vậy mà Chúa đã cho hai Đức Giám mục già yếu, 20 linh mục hăng say và số 500-600 giáo dân (giáo lý viên) kiên cường tham gia vào việc truyền giáo, đã đạt được hơn 100.000 giáo dân (như xưa) trong vòng 35 năm trời.

(18) Lm. Nguyễn Duy Phượng, bài “*Chủng viện Phúc Nhạc tri ân*”, trong tạp chí “*Đời sống*”, số 37 đặc biệt, năm IV, Phát Diệm, 1953, trang 9-10.

(19) Linh mục Ravier (Cố Khánh) còn là người chủ xưởng, và đốc công đào con sông Khang Thượng, 3 cây số mạn Bắc chủng viện.

(20) Xem bút ký của Cố Schlotterbek (Tuấn): *Deux mots sur le petit séminaire de Phúc Nhạc*, Phát Diệm, 04-6-1924.

(21) Theo thống kê năm 1967 là 433 linh mục, trong số đó từ 1954 có chừng 142 linh mục Phát Diệm phục vụ trong các giáo phận miền Nam Việt Nam, và còn ở hải ngoại.

(22) Thư chung địa phận Thanh, quyển II, tr. 341.

(23) Cũng gọi là “*Trường Bảy*”, vì dạy chương trình lớp bảy, trước khi lên chủng viện (lớp sáu); hay là “*Trường Tập*”, luyện trước cho các em có những yếu tố căn bản về giáo dục, tôn giáo.

(24) Hội đó Dòng St. Paul có 3 nhà tại Giáo phận Phát Diệm: Phát Diệm, Ninh Bình và Thanh Hoá. Khi nghe tin có Dòng nữ tu khác tới Bắc Việt, Bà Mẹ Louise, giám tỉnh St. Paul, tỏ vẻ bất

mãn, do đó Đức Giám mục Gendreau (Đông), Hà Nội, thay vì nhận Dòng Notre Dame des Missions tại Hà Nội, đã phái họ xuống Phát Diệm (xem: Phát Diệm, trong Souvenirs Hội M.E.P., 1920-1932, trang 43).

(25) Dòng Đức Bà Truyền Giáo, do Mẹ Marie du Coeur de Jesus sáng lập ngày 15-8-1861, trên đồi Fourvières (Lyon). Khi nhận được lời mời, qua Toà Tổng Giám mục Lyon (Mgr. Béchetoille), nhà dòng đã phái một cộng đoàn đầu tiên, gồm hai chị em từ Ấn Độ (đã quen phong thổ nhiệt đới) và 3 chị từ Âu Châu, hẹn gặp nhau tại Singapour, để khởi hành qua Việt Nam. Tới Phát Diệm chiều 22-10-1924, các chị em đã được chính Đức Giám mục A. Marcou và giáo sĩ Phát Diệm đón tiếp long trọng trong nhà nguyện của bệnh viện.

Tháng 7 năm 1925, năm chị em khác từ Ấn Độ và Pháp sang Phú Vinh; năm 1926, thêm hai chị em nữa, và cũng năm 1926, hội dòng đi Thanh Hoá lập một bệnh viện mới.

Dòng Đức Bà Truyền Giáo, ngay từ lúc đầu, đã nghĩ đến việc chọn ơn kêu gọi địa phương, để thêm số nhân viên và bảo đảm tương lai. Ngày 04-01-1928, tám chị thỉnh sinh đã khẩn lãn đầu tiên ở Việt Nam. Năm 1931, mở Nhà Đệ Tử. Năm 1933, Nhà Tập di chuyển vào Thanh Hoá; và năm 1944 cả Đệ Tử Viện cũng đưa vào Thanh Hoá luôn. Lý do là vì Thanh Hoá có cơ sở rộng lớn, rất thuận tiện cho việc phát triển về mọi phương diện.

(26) Thở cur của bà phó Tuy, với điều kiện là bà độc thân được ở lại sống cho đến chết. Thực ra, hội dòng đã làm cho bà một căn nhà bên mặt đường và bà đã ở lại 3 năm, trước khi qua đời.

(27) Thống kê năm 1970, xem “Lược sử Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm”, Sài Gòn, 1970, trang 50.

(28) Phát hành tại Phát Diệm, 1949, trang 12.

(29) Nữ tu Anna Nguyễn Thị Thanh, nhiệm kỳ 1990-1994, Sài Gòn, 1994, trang 1-2

(30) Nghĩa là người mẹ được quyền giết bào thai (giết con mình mới chớm nở) một cách công khai, mà không mắc tội trước pháp luật.

(31) Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình với cuộc trở về nguồn Dòng Mến Thánh Giá, Sài Gòn 25-8-1985, 7 trang.

(32) Thường tổ chức tại Toà giám mục Thành phố Hồ Chí Minh hay là trong hội trường Đại Chung viện Sài Gòn.

(33) Hội Dòng Mến Thánh Giá: 25 năm hoạt động tại Hoa Kỳ (1975-2000), Los Angeles, tháng 07-2000, trang 37 và tiếp theo.

(34) Vào bậc nhất phải kể công ơn Linh mục John G. Nugent, Giám tỉnh Dòng Vinh Sơn Miền Đông Hoa Kỳ.

(35) Hội Dòng Mến Thánh Giá, trang 43 và 88.

(36) Hội Dòng Mến Thánh Giá, trang 28.

(37) *Compte rendu de M.E.P.*, 1913, trang 191.

(38) *Thư chung Địa phận Thanh*, quyển II, trang 50.

(39) Trong 4 mẫu đất này, 2 mẫu là của bà Đài, họ Thượng Kiệm, giá mỗi mẫu là 200 bạc Đông Dương hồi đó.

(40) Phải khoán chở đất khô từ xa đem về vượt lập cho cao bằng mặt vườn, mỗi hòn đất giá 1 xu. Phải chờ 1 năm cho đất lún xuống, rồi bắt đầu trị móng. Phải đóng cọc tre dài 1,50 thước, đổ đá giã trộn lẫn với cát, rồi đặt một lượt tre cây nằm ngang, một lượt tre cây nằm giọc, đổ cát lên trên, nện cho thật chặt; sau cùng mới đổ bê tông dày 40 phân, để khô, trước khi xây nhà. (xem Lm. Mai Đức Thạch, *Tiểu sử Đức Cha Thành* (A. Marcou), Sài Gòn, 1967, trang 34.

(41) *Thư chung Địa phận Thanh*, quyển II, trang 56.

(42) Viết theo bút ký của Linh mục Nguyễn Duy Phượng để lại cho tác giả.

(43) Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ, *Đức Aiuti, khâm sứ Tòa Thánh tại Việt Nam*, trong *Việt Nam Công giáo Niên Giám*, Sài Gòn, 1964, trang 172.

(44) Vì cố Tràng Tuấn đã giữ nhiều trách vụ trong giáo phận, mỗi trách vụ giữ nhiều năm, do đó, Ngài sở trường các vấn đề liên hệ mật thiết đến giáo phận. Vì thế, năm 1935, sau khi đã chia Giáo phận Thanh Hoá, Ngài cũng là người được Đức cha Thành kén chọn thu thập các tài liệu liên hệ để “bàn giao” giữa hai Giáo phận Phát Diệm và Thanh Hoá. Trong tư tưởng của hàng giáo sĩ hai giáo phận hồi đó, cố tràng Tuấn vẫn được coi như một viên gạch liên kết.

(45) Lm. Trần Văn Kiệm, *Kỷ Yếu Phát Diệm*, trang 224-230.

(46) Xem *Tiểu sử Đức Cha Marcou Thành*.

(47) Lm. Trần Văn Kiệm, *Kỷ Yếu Phát Diệm*, trang 224-230.

(48) Xin đọc Đan sinh Nguyễn Kim Hạnh, O. Cist. Trong “Giám Mục Lê Hữu Từ”, tr. 23-44.

(49) Xin đọc: “Thân thể và sự nghiệp Đức cố Giám Mục Anselmô Lê Hữu Từ” trong “Giám Mục Lê Hữu Từ”, tr. 7-22.

- Con xin ^{trình} các điều về xứ Hào Khê như Di Chư đã dạy họ:
- 1 về Di Chư vào lập nhà xứ, thì R. háng có ^{đi} biết.
 - 2 Xứ này phảng là đời vua Vĩnh Cổ, vẫn thừng thì không ai biết rõ; song đức độ hơn hai trăm ^{năm} nay.
 - 3 Từ khi có đạo thì nhà xứ vẫn ở Hào Khê mãi.
 - 4 Đời Lý Sơn vua Cảnh Thịnh mới niên thì cấm đạo, cụ Đột phải bắt cùng chịu tử vì đạo trong đời ấy; đến đời nhà Nguyễn thì vua Minh Mệnh, Chiếu Đế lại cấm đạo, dân xứ gian nan khổ sở nhiều đàng, Tôn vua Cối Địch thắp tam miếu Cối Địch cấm đạo ngặt, cụ Thánh chịu tử vì đạo trong đời ấy, mà bản đạo phải đi phân lập các khổ sở, như Hộ, nhà xứ phải phá hủy hoại hết cả.
 - 5 Đời Nguyễn biết việc ở xứ Hòa này mãi, và không biết cụ vào làm chính, cụ vào làm phó; song số các cô, các cụ đã ở xứ như sau đây: cụ Đột, cụ Đoàn, cụ Giải, cụ Thi, cụ Điền, cụ Khanh, cụ Hán, cụ An, cụ Đăng, cụ Văn, cụ Diên, cụ Hồn, cụ Duyệt, cụ Nghĩa, cụ Khắc, cụ Dũng, cụ Kỳ, cụ Đức, cụ Đức, cụ Sơn, cụ Chính, cụ Sơn, cụ Đôn, cụ Cảnh, cụ gia Năm, cụ gia Ngân, cụ Long, cụ Hằng, cụ Nhàn, cụ Lân.

- 6 Trong xứ có chín họ: là Hầu, Hồ, Loan, Tống.
 - Hầu Diên toàn tông. Họ Quảng Long, cũng gọi là Quảng Sơn gian tông.
 - Hồ Quảng Thành, cũng gọi là Quảng Sơn toàn tông.
 - Hồ Khai Lễ cũng gọi là Lăng Lễ toàn tông.
 - Hồ Xuân Vọng toàn tông.
 - Hồ Bрай Liệt gian tông.
 - Hồ Bрай Trâm gian tông.
 - Hồ Xuân Hàm gian tông.
- 7 Họ Hào Khê và họ Bрай Liệt thuộc xứ Hải Sơn.
 - Hồ Bрай Diên xứ xứ Cổ Lâm.
 - Hồ Quảng Long về xứ Quảng Long.
 - Hồ Quảng Thành về xứ Quảng Long.
 - Hồ Khai Lễ về xứ Hải Sơn.
 - Hồ Xuân Vọng thì một nửa thuộc xứ Hải Sơn, một nửa thuộc về xứ Hải Sơn.
 - Hồ Bрай Trâm về xứ Ngạc Sơn.
 - Hồ Xuân Hàm thuộc xứ Ngạc Sơn.